

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001 : 2008

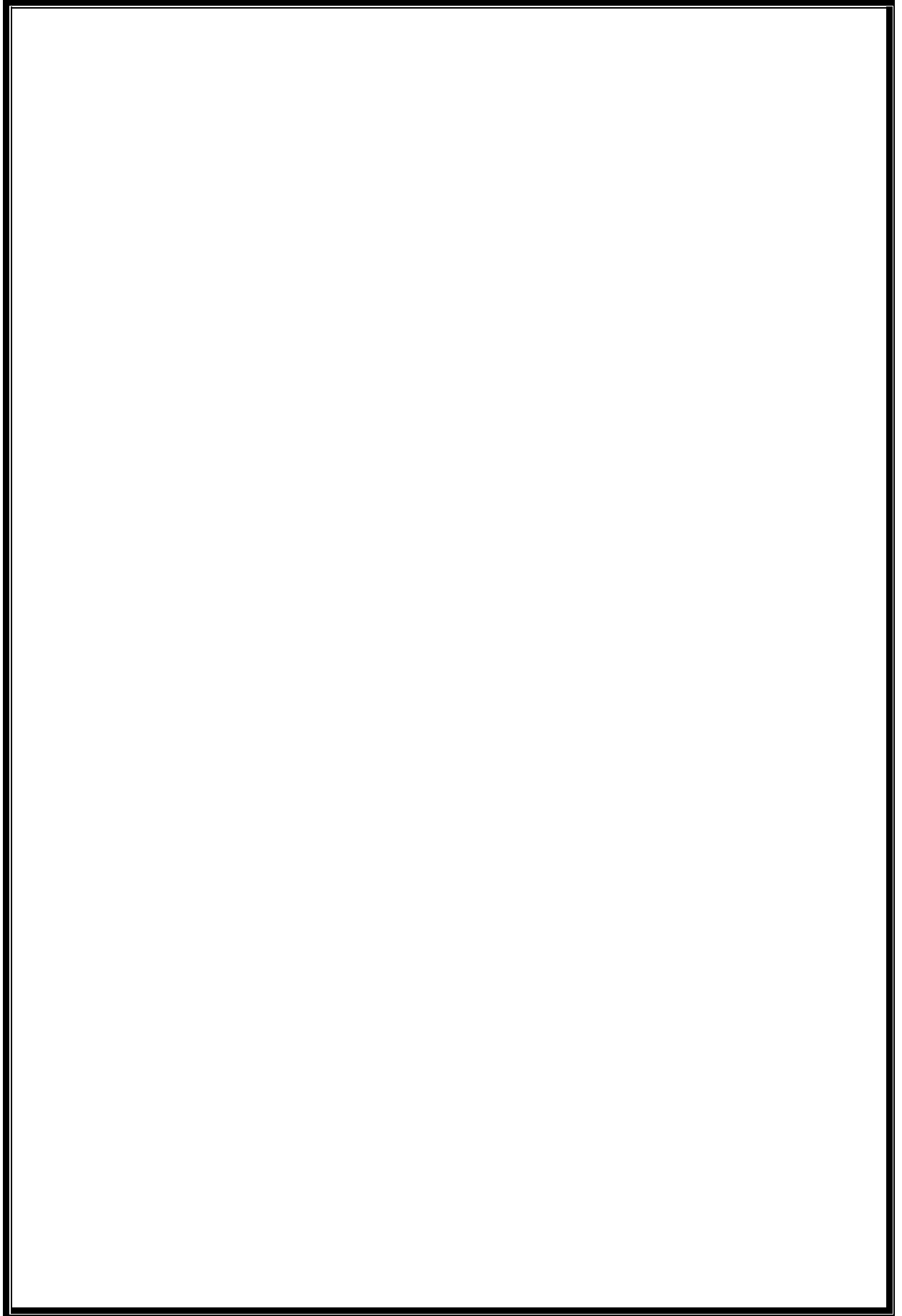
KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN KIỂM TOÁN

Sinh viên: Đỗ Thị Phụng

Giảng viên hướng dẫn: TS Chúc Anh Tú

HẢI PHÒNG - 2011



**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Đỗ Thị Phụng

Mã SV: 110357

Lớp: QT1101K

Ngành: Kế toán Kiểm toán

Tên đề tài : Hoàn thiện công tác kế toán vật tư tại Công ty TNHH sản xuất
và kinh doanh Minh Phụng

Lời mở đầu

Một doanh nghiệp muốn đạt được doanh thu và hiệu quả kinh tế cao trong sản xuất kinh doanh thì đòi hỏi kế toán phải luôn cập nhật một cách chính xác, đầy đủ và trung thực những thông tin cần thiết giúp cho quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp được diễn ra thường xuyên và liên tục.

Vật tư là một yếu tố cơ bản không thể thiếu của quá trình sản xuất kinh doanh, nó chiếm tỉ trọng khá cao trong chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm của doanh nghiệp. Chỉ cần có 1 biến động nhỏ về chi phí nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ cũng ảnh hưởng lớn đến giá thành sản phẩm và sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận của doanh nghiệp. Vì vậy kế toán vật tư tốt sẽ góp phần đảm bảo tốt công tác quản lý. Sử dụng tốt, hợp lý nguyên vật liệu sẽ góp phần đảm bảo chất lượng sản phẩm, tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp. Xuất phát từ ý nghĩa đó, cùng sự giúp đỡ tận tình của các cô chú trong phòng kế toán và ban lãnh đạo Công ty TNHH SXKD Minh Phượng, đồng thời là sự hướng dẫn chu đáo của Ts. Chúc Anh Tú, em đã quyết định chọn đề tài: *“Hoàn thiện công tác kế toán vật tư tại Công ty TNHH sản xuất và kinh doanh Minh Phượng”*.

Kết cấu của khóa luận gồm có ba phần:

Chương 1: Vấn đề chung về kế toán vật tư tại công ty TNHH trong doanh nghiệp sản xuất.

Chương 2: Thực trạng kế toán vật tư tại công ty TNHH sản xuất và kinh doanh Minh Phượng.

Chương 3: : Hoàn thiện kế toán vật tư tại công ty TNHH sản xuất và kinh doanh Minh Phượng.

Vì thời gian và khả năng có hạn, nên bài chuyên đề của em không tránh khỏi sai sót. Em rất mong được sự giúp đỡ, góp ý, bổ xung của các thầy cô giáo để bài chuyên đề của em thêm phong phú về lý luận và thiết thực với thực tế.

Em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên: Đỗ Thị Phượng

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KẾ TOÁN VẬT TƯ TẠI CÔNG TY TNHH TRONG DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT

1.1. Khái niệm, đặc điểm, phân loại vật tư.

1.1.1. Khái niệm, đặc điểm vật tư

1.1.1.1 Khái niệm:

Nguyên vật liệu là những đối tượng lao động, thể hiện dưới dạng vật hoá. Trong các doanh nghiệp, nguyên vật liệu được sử dụng phục vụ cho việc sản xuất, chế tạo sản phẩm hoặc thực hiện dịch vụ hay sử dụng cho bán hàng, cho quản lý doanh nghiệp. Nguyên vật liệu có thể được mua ngoài hoặc tự sản xuất.

Công cụ dụng cụ là tư liệu lao động, không đủ tiêu chuẩn điều kiện về giá trị và thời gian sử dụng đối với tài sản cố định.

1.1.1.2 Đặc điểm:

Đặc điểm của nguyên vật liệu là chỉ tham gia vào một chu kỳ sản xuất- kinh doanh nhất định. Khi tham gia vào quá trình sản xuất, dưới tác động của lao động chúng bị tiêu hao toàn bộ hoặc thay đổi hình thái vật chất ban đầu để tạo ra hình thái vật chất của sản phẩm. Nguyên vật liệu được hình thành từ nhiều nguồn khác nhau như mua ngoài, tự sản xuất, nhận vốn góp liên doanh, vốn góp của các thành viên tham gia công ty, ..., trong đó, chủ yếu là do doanh nghiệp mua ngoài.

Đặc điểm của công cụ dụng cụ là tham gia vào nhiều chu kỳ sản xuất khác nhưng vẫn giữ nguyên hình thái vật chất ban đầu và giá trị hao mòn dần dịch chuyển từng phần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ, song công cụ dụng cụ có giá trị nhỏ và thời gian sử dụng ngắn nên được mua sắm bằng nguồn vốn lưu động của doanh nghiệp cũng như đối với nguyên vật liệu.

1.1.2. Phân loại vật tư

Đối với mỗi doanh nghiệp, do tính chất đặc thù trong sản xuất kinh doanh nên sử dụng các loại vật tư khác nhau. Tùy thuộc vào đặc điểm sản xuất của mỗi

doanh nghiệp mà vật tư của nó có những nét riêng. Phân loại vật tư là việc sắp xếp các loại vật tư thành từng nhóm, từng loại và từng thứ vật tư theo những tiêu thức nhất định phục vụ cho yêu cầu quản lý, sử dụng của doanh nghiệp. Căn cứ vào nội dung và yêu cầu quản trị doanh nghiệp, các loại vật tư được chia thành nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ.

1.1.2.1 Phân loại nguyên vật liệu

Phân loại tài sản nói chung và phân loại nguyên vật liệu nói riêng là việc sắp xếp các loại tài sản thành từng nhóm, từng loại theo những tiêu thức nhất định (theo công dụng, theo nguồn hình thành, theo sở hữu....) phục vụ cho yêu cầu quản lý. Mỗi một cách phân loại khác nhau đều có những tác dụng nhất định trong quản lý và hạch toán. Dưới đây là những tiêu thức phân loại phổ biến sử dụng trong kế toán nguyên vật liệu.

Nguyên vật liệu sử dụng trong các doanh nghiệp có nhiều loại, nhiều thứ có công dụng khác nhau trong quá trình sản xuất kinh doanh. Trong điều kiện đó, đòi hỏi các doanh nghiệp phải phân loại nguyên vật liệu thì mới tổ chức tốt việc quản lý và hạch toán nguyên vật liệu.

Trong thực tế của công tác quản lý và hạch toán ở các doanh nghiệp, nguyên vật liệu thường được phân loại theo vai trò và tác dụng của nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất kinh doanh. Theo cách phân loại này, nguyên vật liệu ở các doanh nghiệp được phân ra thành các loại sau:

-*Nguyên vật liệu chính*: là thứ nguyên vật liệu mà sau quá trình gia công, chế biến sẽ cấu thành nên thực thể vật chất chủ yếu của sản phẩm. Danh từ nguyên vật liệu ở đây dùng để chỉ đối tượng lao động chưa qua chế biến công nghiệp.

-*Vật liệu phụ*: là những vật liệu chỉ có tác dụng phụ trợ trong sản xuất, được sử dụng kết hợp với vật liệu chính để hoàn thiện và nâng cao tính năng, chất lượng của sản phẩm hoặc được sử dụng để đảm bảo cho công cụ lao động hoạt động bình thường hoặc dùng để phục vụ cho nhu cầu kỹ thuật, nhu cầu quản lý.

-*Nhiên liệu*: là những thứ vật liệu được dùng để cung cấp nhiệt lượng trong quá trình sản xuất, kinh doanh như than, củi, xăng dầu, hơi đốt, khí đốt... Nhiên liệu trong các doanh nghiệp thực chất là một loại vật liệu phụ, tuy nhiên nó được tách ra thành một loại riêng, việc sản xuất và tiêu dùng nhiên liệu chiếm một tỷ trọng lớn và đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế quốc dân, nhiên liệu cũng có yêu cầu và kỹ thuật quản lý hoàn toàn khác với các loại vật liệu phụ thông thường.

-*Phụ tùng thay thế*: là các chi tiết, phụ tùng dùng để sửa chữa và thay thế cho các máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải ...;

-*Vật liệu và thiết bị xây dựng cơ bản*: bao gồm các vật liệu và thiết bị (cần lắp, không cần lắp, vật kết cấu, công cụ, khí cụ...) phục vụ cho việc xây lắp, xây dựng cơ bản

-*Phế liệu*: là các loại vật liệu thu được trong quá trình sản xuất hay thanh lý tài sản, có thể sử dụng hay bán ra ngoài (phôi bào, vải vụn, gạch, sắt ...);

-*Vật liệu khác*: bao gồm các loại vật liệu còn lại ngoài các thứ chưa kể trên như bao bì, vật đóng gói, các loại vật tư đặc chủng v.v...

Hạch toán theo cách phân loại nói trên đáp ứng được yêu cầu tổng quát về mặt giá trị đối với mỗi loại nguyên vật liệu. Để đảm bảo thuận tiện, tránh nhầm lẫn cho công tác quản lý và hạch toán về số lượng và giá trị đối với từng thứ nguyên vật liệu, trên cơ sở phân loại theo vai trò và công dụng của nguyên vật liệu, các doanh nghiệp phải theo dõi trên “ sổ danh điểm vật liệu”. Sổ này xác định thống nhất tên gọi, ký mã hiệu, quy cách, số hiệu, đơn vị tính, giá hạch toán của từng danh điểm nguyên vật liệu theo mẫu sau:

Ký hiệu		Tên, nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất NVL	Đơn vị tính	Đơn giá hạch toán	Ghi chú
Nhóm	Danh điểm NVL				

Ngoài ra, căn cứ vào mục đích và nơi sử dụng NVL được chia thành:

- NVL trực tiếp dùng vào sản xuất kinh doanh
- NVL dùng cho công tác quản lý
- NVL dùng cho mục đích khác.

Hoặc căn cứ vào nguồn gốc NVL thì toàn bộ NVL của doanh nghiệp được chia thành NVL mua ngoài và NVL tự chế biến, gia công.

Ngoài ra, trong các doanh nghiệp công cụ dụng cụ cũng được phân loại theo nhiều chức năng bao gồm:

- Dụng cụ chuyên dùng cho sản xuất: Quóc, xẻng...
- Dụng cụ quản lý bảo hộ lao động

1.1.2.2 Phân loại công cụ dụng cụ

* Căn cứ vào phương pháp phân bổ, công cụ dụng cụ được chia thành:

- + Loại phân bổ 1 lần(100% giá trị)
- + Loại phân bổ nhiều lần.

Loại phân bổ 1 lần là những công cụ dụng cụ có giá trị nhỏ và thời gian sử dụng ngắn. Loại phân bổ từ 2 lần trở lên là những công cụ dụng cụ có giá trị lớn hơn, thời gian sử dụng dài hơn và những công cụ dụng cụ chuyên dùng.

* Căn cứ vào yêu cầu quản lý và công việc ghi chép của kế toán:

- + Công cụ, dụng cụ
- + Bao bì luân chuyển.
- + Đồ dùng cho thuê.

* Căn cứ vào mục đích sử dụng:

- + Công cụ dụng cụ dùng cho sản xuất kinh doanh
- + Công cụ dụng cụ dùng cho quản lý
- + Công cụ dụng cụ dùng cho các mục đích khác.

1.2 Nhiệm vụ của kế toán vật tư

Để thực hiện chức năng giám đốc là công cụ quản lý kinh tế, xuất phát từ vị trí kế toán trong quản lý kinh tế, quản lý doanh nghiệp và nhất là đáp ứng được

các yêu cầu quản lý về vật liệu trong các doanh nghiệp sản xuất cần thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

- Tổ chức ghi chép phản ánh tổng hợp số liệu và tình hình thu mua, vận chuyển, bảo quản, tình hình nhập xuất kho NVL- CCDC, tính giá thành thực tế nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ nhập kho.

- Thực hiện tốt việc đánh giá phân loại NVL- CCDC phù hợp với nguyên tắc, yêu cầu quản lý thống nhất của nhà nước và yêu cầu quản trị của doanh nghiệp

- Kiểm tra tình hình thực hiện thu mua NVL- CCDC về mặt số lượng, chất lượng, thời hạn nhằm đảm bảo cung cấp vật tư đủ, kịp thời cho quá trình sản xuất.

1.3 Các nguyên tắc xác định vật tư nguyên vật liệu

1.3.1. Tính giá vật tư nguyên vật liệu nhập kho.

Giá thực tế của vật tư nguyên vật liệu nhập kho được xác định theo từng nguồn nhập.

a. Đối với vật tư nguyên vật liệu mua ngoài:

Giá thực tế = Giá mua ghi + Thuế + Thuế + Chi phí – Các khoản
VTNVL nhập kho trên hóa đơn TTĐB nhập khẩu thu mua giảm trừ(nếu có)

Nếu vật tư nguyên vật liệu mua ngoài dùng vào sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thì giá mua ghi trên hóa đơn là giá chưa có thuế giá trị gia tăng đầu vào.

Nếu vật tư nguyên vật liệu mua ngoài dùng vào sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp hoặc không chịu thuế GTGT hoặc dùng cho hoạt động sự nghiệp, phúc lợi, dự án thì giá mua ghi trên hóa đơn là tổng giá thanh toán bao gồm cả thuế giá trị gia tăng đầu vào.

b. Đối với vật tư nguyên vật liệu tự gia công chế biến

Giá thực tế = Giá thực tế + Chi phí gia công
VT,NVL nhập kho xuất chế biến chế biến

c. Đối với vật tư nguyên vật liệu thuê ngoài gia công chế biến

$$\text{Giá thực tế VT, NVL nhập kho} = \text{Giá thực tế xuất thuê chế biến} + \text{CP mang đi} + \text{CP thuê gia công chế biến}$$

d. Đối với vật tư nguyên vật liệu nhận vốn góp liên doanh, liên kết

$$\text{Giá thực tế VT NVL nhập kho} = \text{Giá được các bên tham gia góp vốn đánh giá thống nhất}$$

e. Đối với vật tư nguyên vật liệu vay mượn tạm thời của các đơn vị khác thì giá thực tế nhập kho được tính theo giá thị trường tương đương của số VT NVL đó.

f. Đối với vật tư nguyên vật liệu thu hồi từ quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp thì giá thực tế được tính theo đánh giá thực tế hoặc theo giá bán trên thị trường.

1.3.2 Tính giá vật tư nguyên vật liệu xuất kho.

Để xác định giá thực tế (giá gốc) ghi sổ của vật liệu xuất kho trong kỳ, tùy theo đặc điểm hoạt động của từng doanh nghiệp, vào yêu cầu quản lý và trình độ nghiệp vụ của cán bộ kế toán, có thể sử dụng một trong các phương pháp sau đây theo *nguyên tắc nhất quán trong hạch toán*, nếu thay đổi phương pháp phải giải thích rõ ràng. Cụ thể như sau:

a, Phương pháp giá đơn vị bình quân:

Theo phương pháp này, giá thực tế vật liệu xuất kho trong kỳ được tính theo công thức:

$$\text{Giá thực tế từng loại xuất kho} = \frac{\text{Số lượng từng loại xuất kho}}{\text{Số lượng từng loại bình quân}} * \text{Giá đơn vị bình quân}$$

Trong đó, giá đơn vị bình quân có thể tính theo một trong 3 cách sau:

$$\text{Giá đơn vị bình quân cả kỳ dự trữ} = \frac{\text{Giá thực tế từng loại tồn đầu kỳ và nhập trong kỳ}}{\text{Lượng thực tế từng loại tồn đầu kỳ và nhập trong kỳ}}$$

Cách tính này tuy đơn giản, dễ làm nhưng độ chính xác không cao. Hơn nữa, công việc tính toán dồn vào cuối tháng, gây ảnh hưởng đến công tác quyết toán nói chung.

$$\text{CÁCH 2: Giá đơn vị bình quân cuối kỳ trước} = \frac{\text{Giá thực tế từng loại tồn đầu kỳ (hoặc cuối kỳ trước)}}{\text{Lượng thực tế từng loại tồn kho đầu kỳ (hoặc cuối kỳ trước)}}$$

Cách này mặc dầu khá đơn giản và phản ánh kịp thời tình hình biến động của từng loại vật liệu, dụng cụ, sản phẩm hàng hoá trong kỳ, tuy nhiên không chính xác vì không tính đến sự biến động của giá cả vật liệu, dụng cụ, hàng hoá cũng như giá thành sản phẩm trong kỳ.

$$\text{CÁCH 3: Giá đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập} = \frac{\text{Giá thực tế từng loại tồn kho sau mỗi lần nhập}}{\text{Lượng thực tế từng loại tồn kho sau mỗi lần nhập}}$$

Cách này tính theo giá đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập lại khắc phục được nhược điểm của cả 2 phương pháp trên, vừa chính xác, vừa cập nhật. Nhược điểm của phương pháp này là tốn nhiều công sức, tính toán nhiều lần.

b, Phương pháp nhập trước, xuất trước (FIFO):

Theo phương pháp này, giả thiết rằng số vật liệu nào nhập trước thì xuất trước, xuất hết số nhập trước mới đến số nhập sau theo giá thực tế của từng số hàng xuất. Nói cách khác, cơ sở của phương pháp này là giá thực tế của vật liệu nhập kho trước sẽ được dùng làm giá để tính giá thực tế của vật liệu xuất trước và do vậy, giá trị của vật liệu tồn kho cuối kỳ sẽ là giá thực tế của số vật liệu nhập kho sau cùng. Phương pháp này thích hợp trong trường hợp giá cả ổn định hoặc có xu hướng giảm.

c, Phương pháp nhập sau xuất trước (LIFO):

Phương pháp này giả định những vật liệu nhập kho sau cùng sẽ được xuất trước tiên, ngược lại với phương pháp nhập trước xuất trước ở trên. Phương pháp nhập sau xuất trước thích hợp trong trường hợp lạm phát.

Về cơ bản ưu nhược điểm và điều kiện vận dụng của phương pháp Nhập sau-xuất trước cũng giống như phương pháp Nhập trước- xuất trước, nhưng sử dụng phương pháp Nhập sau- xuất trước giúp chi phí kinh doanh của doanh nghiệp phản ứng kịp thời với giá cả thị trường của nguyên vật liệu.

d, Phương pháp trực tiếp:

Theo phương pháp này, giá thực tế vật liệu được xác định theo đơn chiếc hay từng lô và giữ nguyên từ lúc nhập và cho tới lúc xuất kho (trừ trường hợp điều chỉnh). Khi xuất kho lô nào (hay cái nào) sẽ được tính theo giá thực tế của lô ấy hay cái ấy. Do vậy, phương pháp này còn có tên gọi là phương pháp đặc điểm riêng hay phương pháp giá thực tế đích danh và thường sử dụng trong các doanh nghiệp có ít loại vật liệu hoặc vật liệu ổn định, có tính tách biệt và nhận diện được.

e, Phương pháp giá thực tế hạch toán:

Ngoài các phương pháp cơ bản trên, trong thực tế công tác kế toán, để giảm nhẹ việc ghi chép cũng như bảo đảm tính kịp thời của thông tin kế toán, để tính giá thực tế của vật liệu xuất kho, kế toán còn sử dụng phương pháp giá hạch toán.

Theo phương pháp này, toàn bộ vật liệu biến động trong kỳ được tính theo giá hạch toán (giá kế hoạch hoặc một loại giá ổn định trong kỳ). Cuối kỳ, kế toán sẽ tiến hành điều chỉnh từ giá hạch toán sang giá thực tế theo công thức:

$$\text{Giá thực tế từng loại xuất kho (hoặc tồn kho cuối kỳ)} = \frac{\text{Giá hạch toán từng loại xuất kho}}{\text{Hệ số giá từng loại}} *$$

Hệ số giá có thể tính cho từng loại, từng nhóm hoặc từng thứ vật liệu chủ yếu tùy thuộc vào yêu cầu và trình độ quản lý. Về thực chất, việc sử dụng giá hạch toán để ghi sổ các loại hàng tồn kho nói chung chính là một thủ thuật của kế toán nhằm phản ánh kịp thời tình hình biến động hiện có của từng loại hàng tồn kho. Giá trị từng loại hàng tồn kho tính theo phương pháp giá hạch toán đúng bằng giá trị từng loại hàng tồn kho tăng, giảm hiện có tính theo phương pháp giá đơn vị bình quân cả kỳ dự trữ.

Việc áp dụng phương pháp nào để tính giá nguyên vật liệu xuất kho là do doanh nghiệp tự quyết định nhưng cần phải đảm bảo sự nhất quán trong niên độ kế toán và phải thuyết minh trong báo cáo tài chính.

1.4 Kế toán chi tiết vật tư

1.4.1 Phương pháp thẻ song song

Theo phương pháp thẻ song song, hạch toán chi tiết vật liệu tại các doanh nghiệp được tiến hành như sau:

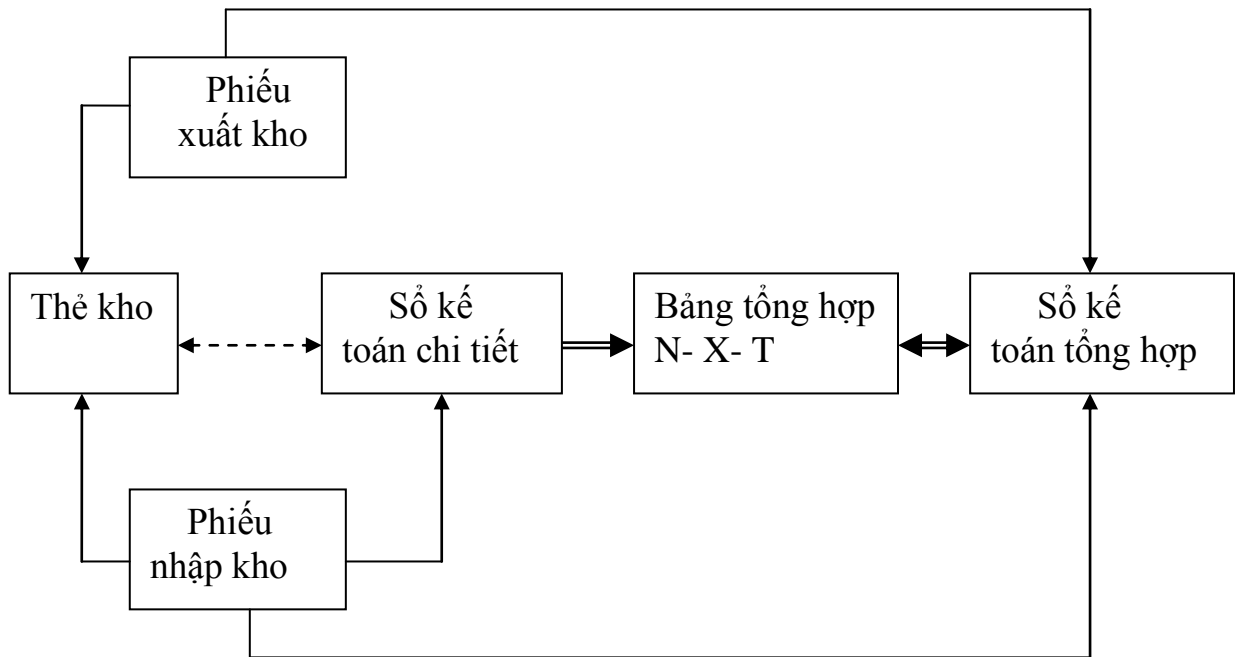
Tại kho: Thủ kho dùng thẻ kho để phản ánh tình hình nhập, xuất, tồn vật liệu về mặt số lượng. Hàng ngày khi nhận được chứng từ nhập, xuất VT NVL, thủ kho tiến hành kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của chứng từ rồi ghi số thực nhập, thực xuất vào thẻ kho.

Tại phòng kế toán: Kế toán mở sổ hoặc thẻ chi tiết VT NVL ghi chép sự biến động nhập, xuất, tồn của từng loại VT NVL cả về hiện vật và giá trị. Hàng ngày hoặc định kỳ sau khi nhận được các chứng từ nhập, xuất kho VT NVL do thủ kho nộp, kế toán kiểm tra ghi đơn giá, tính thành tiền và phân loại chứng từ rồi vào sổ chi tiết VT NVL.

Cuối kỳ kế toán tiến hành cộng sổ và tính ra số tồn kho cho từng loại vật liệu, đồng thời tiến hành đối chiếu số liệu trên sổ kế toán chi tiết vật liệu với thẻ kho tương ứng. Căn cứ vào các sổ kế toán chi tiết vật liệu kế toán lấy số liệu để ghi vào bảng tổng hợp nhập xuất tồn vật liệu.

Phương pháp thẻ song song mặc dầu đơn giản, dễ làm nhưng việc ghi chép còn nhiều trùng lặp. Vì thế, chỉ thích hợp với doanh nghiệp có quy mô nhỏ, số lượng nghiệp vụ ít, trình độ nhân viên kế toán chưa cao.

Sơ đồ 1.4.1: Sơ đồ kế toán chi tiết theo phương pháp thẻ song song.



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- ====> Ghi cuối tháng
- > Đối chiếu,

1.4.2 Kế toán chi tiết vật tư theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển:

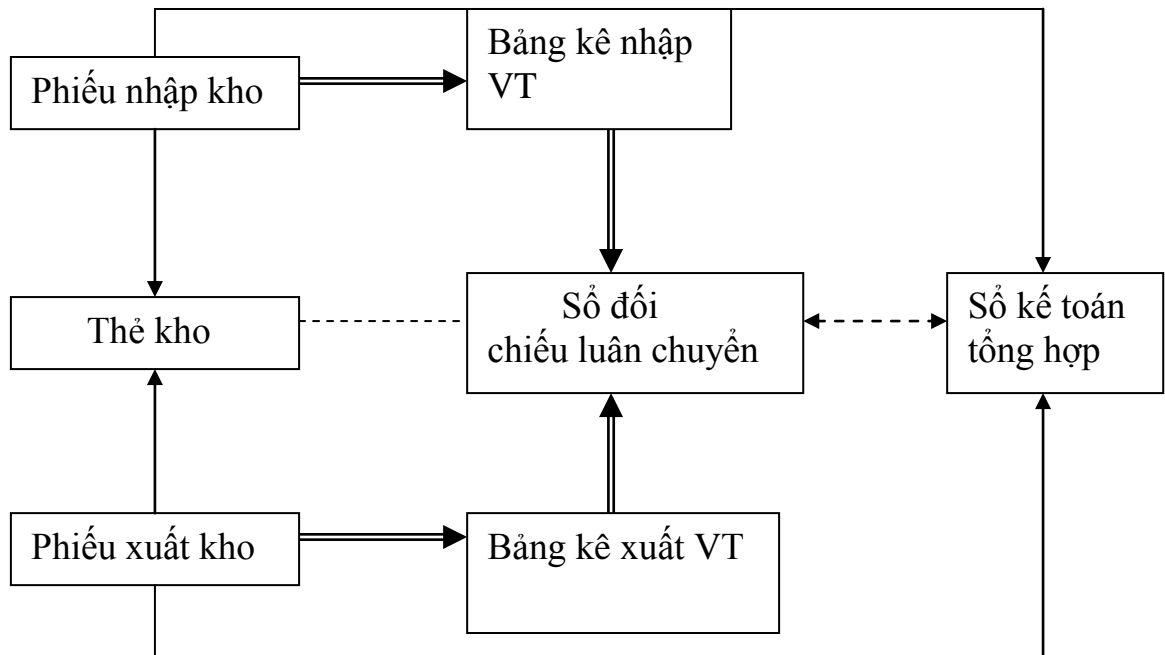
Theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển, công việc cụ thể như sau:

Tại kho, giống như phương pháp thẻ song song ở trên.

Tại phòng kế toán, kế toán sử dụng sổ đối chiếu luân chuyển để hạch toán số lượng và số tiền của từng thứ (danh điểm) vật liệu theo từng kho. Sổ này được ghi mỗi tháng 1 lần vào cuối tháng trên cơ sở các bảng kê nhập, bảng kê xuất từng thứ (danh điểm) vật liệu; mỗi danh điểm ghi một dòng trong sổ. Cuối tháng, kế toán đối chiếu số lượng vật liệu trên sổ đối chiếu luân chuyển với thẻ kho của thủ kho; đồng thời đối chiếu số tiền của từng danh điểm vật liệu với kế toán tổng hợp (theo giá hạch toán ở các bảng tính giá).

Phương pháp này tiết kiệm công tác lập sổ kế toán, giảm nhẹ khối lượng ghi chép, tránh việc ghi chép trùng lặp. Tuy nhiên theo phương pháp này sẽ khó

kiểm tra, đối chiếu, khó phát hiện sai sót và dồn công việc vào cuối kỳ nên hạn chế chức năng kiểm tra thường xuyên, liên tục. Phương pháp này thích hợp với những doanh nghiệp có nhiều danh điểm vật tư nhưng chứng từ nhập xuất không nhiều, không có điều kiện bố trí riêng từng nhân viên kết toán chi tiết VT NVL để theo dõi tình hình nhập xuất hàng ngày.



Ghi chú: \longrightarrow Ghi hàng ngày
 \Longrightarrow Ghi cuối tháng
 $\leftarrow\text{-----}\rightarrow$ Đối chiếu, kiểm tra

**Sơ đồ 1.4.2: Kế toán chi tiết vật liệu theo phương pháp
 Sổ đối chiếu luân chuyển**

1.4.3 Kế toán chi tiết vật tư nguyên vật liệu theo phương pháp sổ số dư

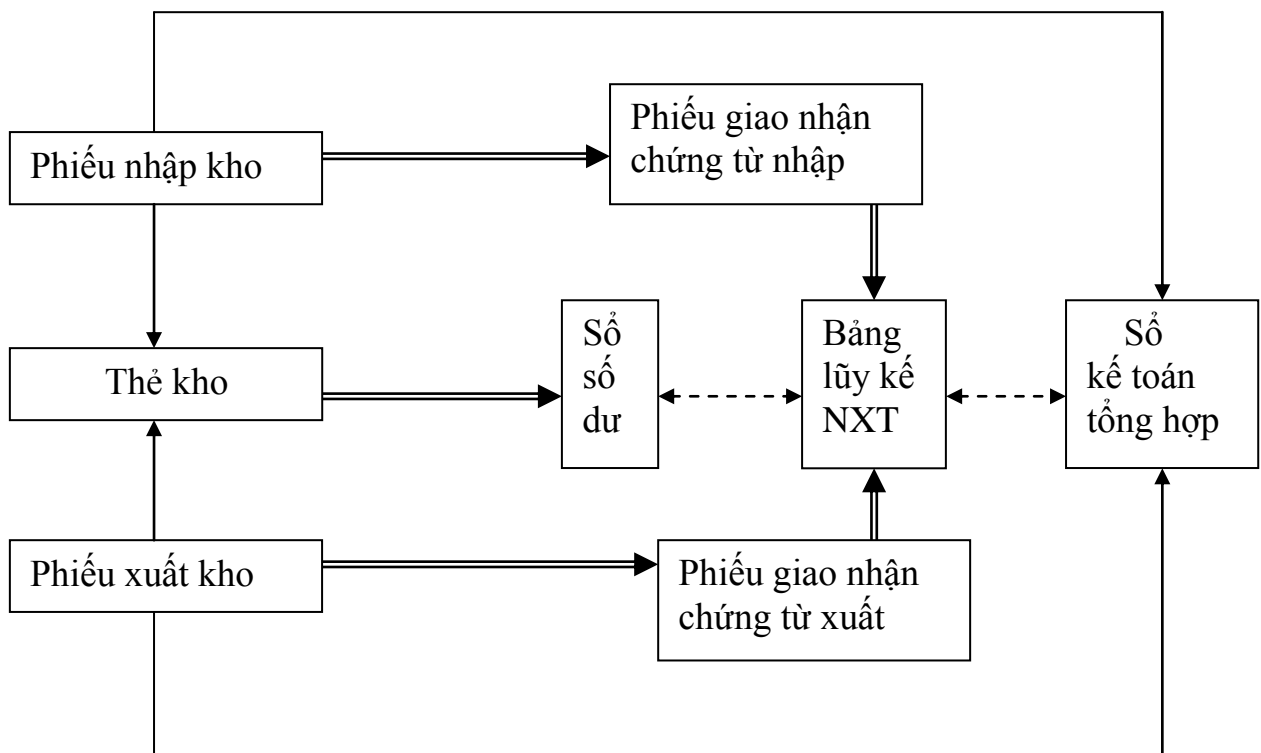
Theo phương pháp sổ số dư, kế toán chi tiết vật tư nguyên vật liệu tại các doanh nghiệp được tiến hành như sau :

- Tại kho : Thủ kho sử dụng thẻ kho để ghi chép tình hình nhập, xuất, tồn. Ngoài ra, định kỳ 5 đến 10 ngày thủ kho phải tập hợp toàn bộ chứng từ nhập kho, xuất kho phát sinh theo từng nguyên vật liệu quy định. Sau đó, lập phiếu giao nhận chứng từ và nộp cho kế toán kèm theo các chứng từ nhập, xuất kho vật tư

nguyên vật liệu. Cuối tháng thủ kho còn phải ghi số lượng tồn kho trên thẻ kho vào sổ số dư.

- Tại phòng kế toán : Định kỳ 5 đến 10 ngày, kế toán nhận chứng từ do thủ kho chuyển đến. Căn cứ vào đó, kế toán lập bảng lũy kế nhập, xuất, tồn. Cuối kỳ tiến hành tính tiền trên sổ số dư do thủ kho chuyển đến và đối chiếu tồn kho từng danh điểm vật tư nguyên vật liệu trên sổ số dư với bảng lũy kế nhập, xuất, tồn.

Phương pháp này tránh được việc ghi chép trùng lặp và dàn đều công việc ghi sổ trong kỳ, nên không bị dồn việc vào cuối kỳ nhưng sử dụng phương pháp này sẽ gặp khó khăn trong việc kiểm tra, đối chiếu và phát hiện sai sót. Vì vậy, phương pháp này phù hợp với những doanh nghiệp có nhiều danh điểm vật tư nguyên vật liệu và đồng thời số lượng chứng từ nhập xuất của mỗi loại khá nhiều nhưng đòi hỏi nhân viên kế toán và thủ kho phải có trình độ chuyên môn cao.



- Ghi chú: —————> Ghi hàng ngày
=> Ghi cuối tháng
←-----> Đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 1.4.3: Hạch toán chi tiết vật liệu theo phương pháp sổ dư

1.5 Kế toán tổng hợp vật tư

Hạch toán tổng hợp NVL- CCDC là việc sử dụng các tài khoản kế toán để phản ánh kiểm tra và giám sát các đối tượng hạch toán kế toán có nội dung kinh tế ở dạng tổng quát. Giữa hạch toán tổng hợp và hạch toán chi tiết có mối quan hệ mật thiết với nhau. Về mặt quản lý, chúng hình thành một tổng thể hoàn chỉnh các thông tin phục vụ cho công tác quản lý nhà nước, tổ chức kinh tế của một doanh nghiệp và trong nội bộ doanh nghiệp. Về mặt ghi chép có thể là hệ thống chứng từ thống nhất do đó đảm bảo cho sự kiểm tra đối chiếu gần nhau.

NVL- CCDC là tài sản lưu động thuộc nhóm hàng tồn kho của doanh nghiệp, việc theo dõi tình hình nhập- xuất- tồn kho phụ thuộc vào doanh nghiệp áp dụng phương pháp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên hay kiểm kê định kỳ.

1.5.1. Phương pháp kê khai thường xuyên

1.5.1.1 Khái niệm và tài khoản sử dụng:

Phương pháp kê khai thường xuyên: là phương pháp ghi chép phản ánh thường xuyên, liên tục tình hình nhập- xuất- tồn kho các loại NVL- CCDC, thành phẩm, hàng hóa trên các tài khoản và sổ kế toán tổng hợp kho, các chứng từ nhập- xuất- tồn kho. Như vậy việc xác định giá trị vật liệu xuất dùng căn cứ trực tiếp vào các chứng từ xuất nhập kho sau khi đã tập hợp, phân loại theo đối tượng sử dụng để ghi chép vào các tài khoản, sổ kế toán.

Để hạch toán vật tư theo phương pháp kê khai thường xuyên, kế toán sử dụng các tài khoản sau:

-*Tài khoản 151: “Hàng mua đi đường”* tài khoản này dùng theo dõi các loại nguyên, vật liệu, công cụ, dụng cụ, hàng hoá... mà doanh nghiệp đã mua hay chấp nhận mua, đã thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp nhưng cuối tháng, chưa về nhập kho (kể cả số đang gửi kho người bán).

Bên nợ: Phản ánh giá trị hàng hóa, vật tư đã mua đang đi đường. Kết chuyển giá trị thực tế của hàng mua đang đi đường cuối kỳ.

Bên có: Phản ánh giá trị hàng đi đường kỳ trước đã nhập kho hay chuyển giao cho các bộ phận sử dụng hoặc giao cho khách hàng. Kết chuyển giá trị thực tế của hàng hóa, vật tư đã mua đang đi đường đầu kỳ

-*Tài khoản 152: “Nguyên liệu, vật liệu”* tài khoản này được dùng để theo dõi giá trị hiện có, tình hình tăng, giảm của các nguyên, vật liệu theo giá thực tế, có thể mở chi tiết theo từng loại, nhóm, thứ... tùy theo yêu cầu quản lý và phương tiện tính toán.

Bên nợ: phản ánh các nghiệp vụ phát sinh làm tăng giá thực tế của nguyên, vật liệu trong kỳ (mua ngoài, tự sản xuất, nhận góp vốn, phát hiện thừa, đánh giá tăng...). Trị giá NVL thừa phát hiện khi kiểm kê. Kết chuyển giá thực tế của NVL tồn kho cuối kỳ

Bên có: Phản ánh giá thực tế NVL xuất kho dùng vào sản xuất, kinh doanh, để bán, thuê ngoài gia công chế biến, hoặc đưa đi góp vốn. Trị giá NVL trả lại người bán hoặc được giảm giá, chiết khấu thương mại. Trị giá NVL hao hụt, mất mát khi phát hiện kiểm kê. Kết chuyển giá thực tế của NVL tồn kho đầu kỳ

Dư nợ: giá thực tế của nguyên, vật liệu tồn kho cuối kỳ

TK 152 có thể mở ở TK cấp 2: Thông thường các doanh nghiệp chi tiết TK này theo vai trò và công dụng của NVL như:

TK 1521: Nguyên vật liệu chính

TK 1522: Nguyên vật liệu phụ

TK 152: Nhiên liệu

-*Tài khoản 153: “công cụ dụng cụ”* tài khoản này được theo dõi giá trị hiện có, tình hình tăng giảm của các công cụ dụng cụ theo giá trị thực tế có thể mở chi tiết theo từng loại, từng nhóm tùy yêu cầu quản lý.

Bên nợ:

+ Phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh làm tăng giá thực tế của công cụ dụng cụ nhỏ trong kỳ (mua ngoài, tự sản xuất, nhận vốn góp, phát hiện thừa..).

+ Giá trị công cụ dụng cụ tồn cuối kỳ (theo phương pháp kiểm kê)

Bên có:

- + Phản ánh giá trị thực tế công cụ dụng cụ xuất kho
- + Triết khấu giảm giá hàng mua bị trả lại
- + Kết chuyển giá trị công cụ dụng cụ tồn kho đầu kỳ (theo phương pháp kiểm kê)

Dư nợ: Giá thực tế của công cụ dụng cụ tồn kho

TK này được chia thành 3 tài khoản cấp II

- + TK 1531: Công cụ dụng cụ
- + TK 1532: Bao bì luân chuyển
- + TK 1533: Đồ dùng cho thuê

Ngoài ra, trong quá trình hạch toán, kế toán còn sử dụng một số tài khoản liên quan khác như 133, 331, 111, 112, 632....

Căn cứ vào giấy báo nhận hàng, nếu xét thấy cần thiết, khi hàng về đến nơi, có thể lập ban kiểm nhận để kiểm nhận vật liệu thu mua cả về số lượng, chất lượng, quy cách... Ban kiểm nhận căn cứ vào kết quả thực tế ghi vào “Biên bản kiểm nhận vật tư”. Sau đó bộ phận cung ứng sẽ lập “Phiếu nhập kho” vật tư trên cơ sở hóa đơn, giấy báo nhận hàng và biên bản kiểm nhận rồi giao cho thủ kho. Thủ kho sẽ ghi số vật liệu vào phiếu rồi chuyển cho phòng kế toán làm căn cứ ghi sổ. Trường hợp phát hiện thừa, thiếu, sai quy cách, thủ kho phải báo cho bộ phận cung ứng biết và cùng người giao lập biên bản.

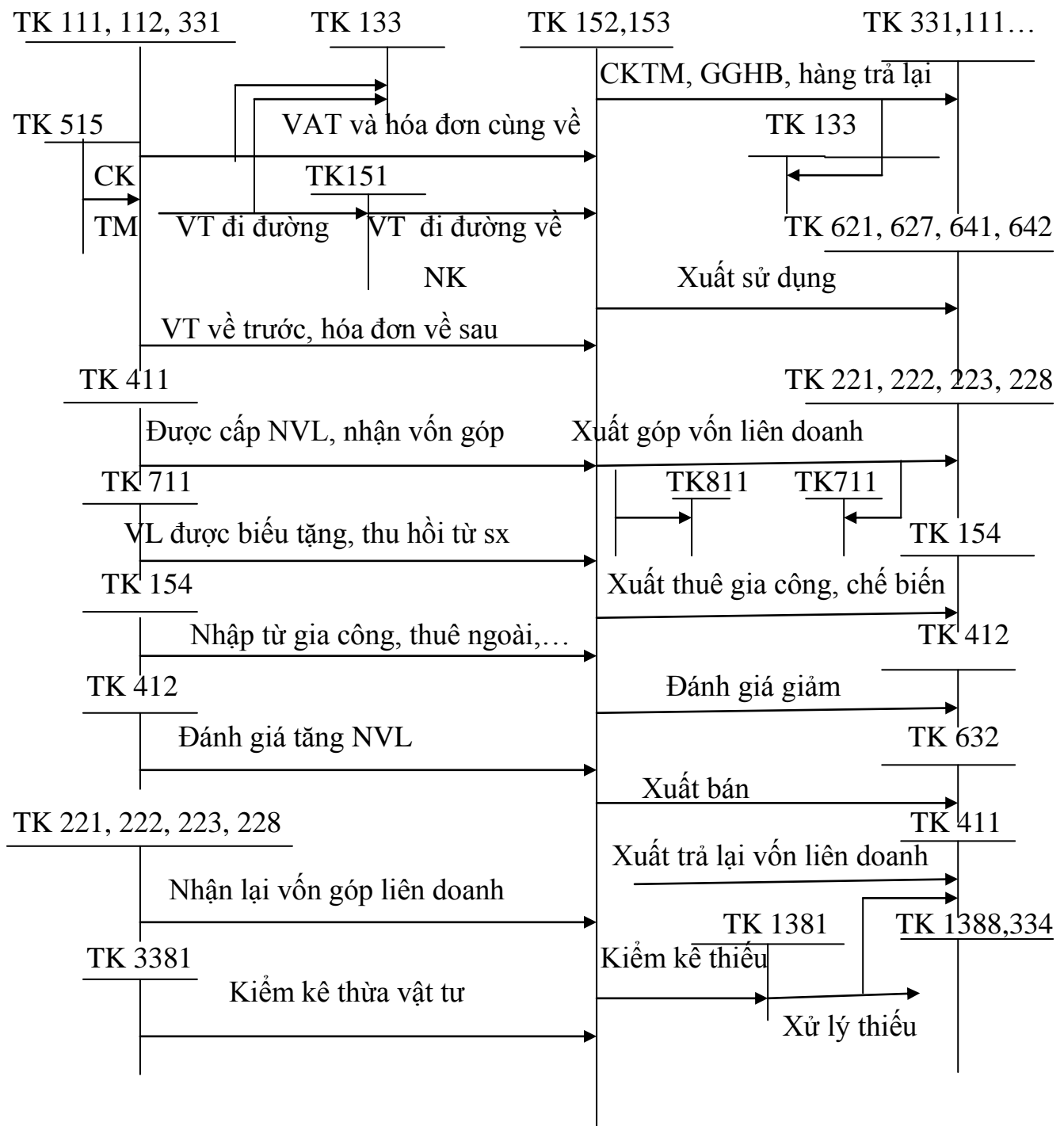
1.5.1.2 Phương pháp hạch toán:

a, Với doanh nghiệp áp dụng thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ:

Đối với đơn vị tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ (đã thực hiện việc mua bán hàng hoá có hóa đơn, chứng từ ghi chép kiểm tra đủ). Thuế GTGT đầu vào được tách riêng, không ghi vào giá thực của vật liệu. Như vậy, khi mua hàng trong tổng giá thanh toán phải trả cho người bán, phần giá mua chưa thuế được ghi tăng giá trị vật tư mua vào, còn phần thuế GTGT đầu vào được ghi vào sổ được khấu trừ. Kế toán sử dụng tài khoản 133 (1331) - Thuế GTGT đầu vào của hàng hoá dịch vụ mua ngoài).

b, Với doanh nghiệp áp dụng thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp:

Đối với cơ sở sản xuất không đủ điều kiện để tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thì thuế GTGT đầu vào được ghi vào giá thực tế nguyên vật liệu. Như vậy, khi mua vật liệu thuế GTGT đầu vào được tính vào giá của vật liệu. Kế toán không sử dụng tài khoản 133 “Thuế GTGT đầu vào”. Còn phương pháp hạch toán tương tự như trường hợp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.



Sơ đồ 1.5.1.2 Kế toán tổng hợp NVL theo phương pháp kê khai thường xuyên

1.5.2. Kế toán tổng hợp vật tư theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

1.5.2.1 Khái niệm và tài khoản sử dụng:

Phương pháp kiểm kê định kỳ là phương pháp không theo dõi một cách thường xuyên, liên tục về tình hình biến động của các loại vật tư, hàng hoá, sản phẩm trên các tài khoản phản ánh từng loại hàng tồn kho mà chỉ phản ánh giá trị tồn kho đầu kỳ và cuối kỳ của chúng trên cơ sở kiểm kê cuối kỳ, xác định lượng tồn kho thực tế và lượng xuất dùng cho sản xuất kinh doanh và các mục đích khác.

Nhược điểm của phương pháp này là độ chính xác không cao.

Phương pháp này áp dụng cho các đơn vị kinh doanh nhiều chủng loại hàng hoá, vật tư khác nhau, giá trị thấp thường xuyên dùng, xuất bán.

Các tài khoản kế toán sử dụng :

Tài khoản 611 “mua hàng” – chi tiết TK 6111 “mua nguyên liệu, vật liệu”:
Tài khoản này dùng để theo dõi tình hình thu mua, tăng, giảm nguyên vật liệu theo giá thực tế (giá mua và chi phí thu mua).

Kết cấu TK 611:

Bên nợ: Phản ánh giá thực tế NVL tồn kho đầu kỳ và tăng thêm trong kỳ.

Bên có: phản ánh giá thực tế VL xuất dùng, xuất bán, thiếu hụt trong kỳ và tồn kho cuối kỳ.

Tài khoản này không có số dư.

Tài khoản 151: “Hàng mua đang đi trên đường”. Dùng để phản ánh trị giá số vật liệu mà doanh nghiệp đã mua hay chấp nhận mua (đã thuộc sở hữu của đơn vị) nhưng đang đi đường hay đang gửi tại kho người bán, chi tiết theo từng loại, từng người bán.

Bên nợ: giá thực tế hàng đang đi đường cuối kỳ.

Bên có: kết chuyển giá thực tế hàng đang đi đường cuối kỳ.

Dư nợ: giá thực tế hàng đang đi đường.

Tài khoản 152: “Nguyên liệu, vật liệu”. Dùng để phản ánh giá thực tế nguyên, vật liệu tồn kho, chi tiết theo từng loại.

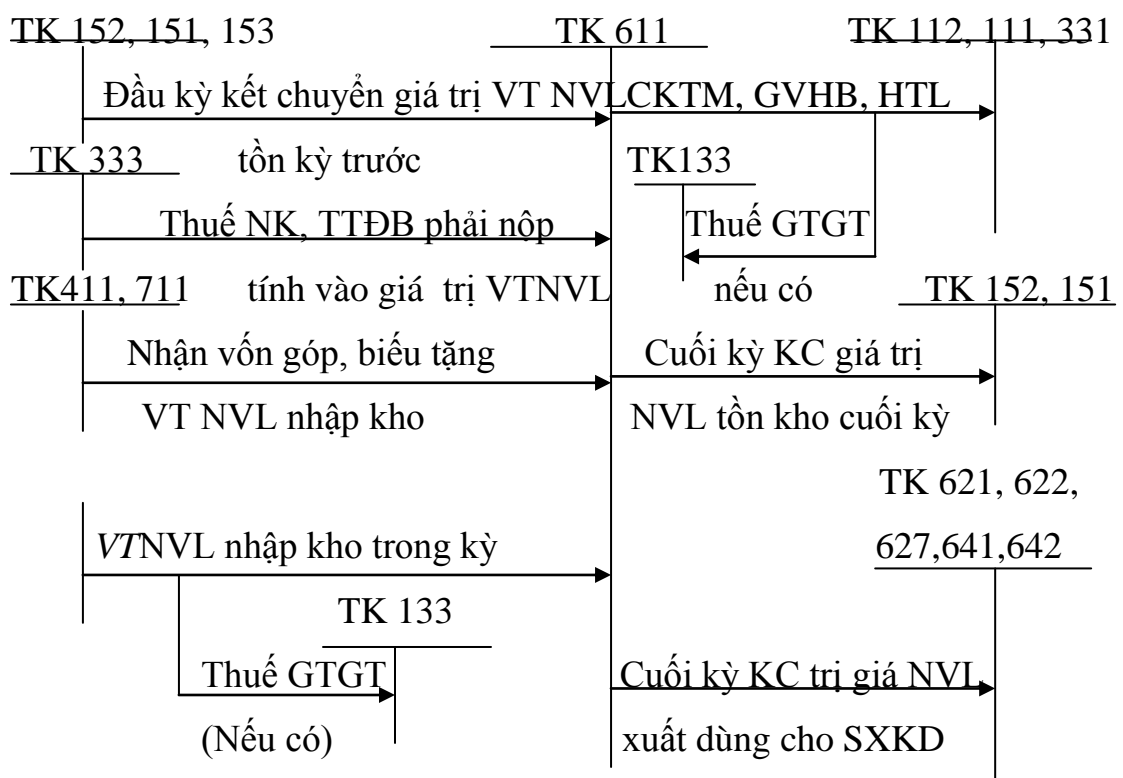
Bên nợ: giá thực tế vật liệu tồn kho cuối kỳ.

Bên có: kết chuyển giá thực tế vật liệu tồn kho đầu kỳ.

Dư nợ: giá thực tế vật liệu tồn kho.

Ngoài ra trong quá trình hạch toán, kế toán còn sử dụng một số tài khoản khác có liên quan như 133, 111, 112, 331.... Các tài khoản này có nội dung và kết cấu giống như phương pháp kê khai thường xuyên.

1.5.2.2. Phương pháp hạch toán



Sơ đồ: 1.5.2.2 Kế toán tổng hợp VT NVL theo phương pháp kiểm kê định kỳ

1.6 Hình thức kế toán tại doanh nghiệp

Theo chế độ sổ kế toán doanh nghiệp hiện hành, doanh nghiệp được áp dụng một trong năm hình thức kế toán sau:

- Hình thức kế toán Nhật ký chung
- Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái
- Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ
- Hình thức kế toán Nhật ký- Chứng từ
- Hình thức kế toán trên máy vi tính

1.6.1 Hình thức kế toán Nhật ký chung

1.6.1.1 Nguyên tắc, đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Sổ Nhật ký chung, Sổ Nhật ký đặc biệt;
- Sổ Cái;
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

1.6.1.2 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung (Biểu số 01)

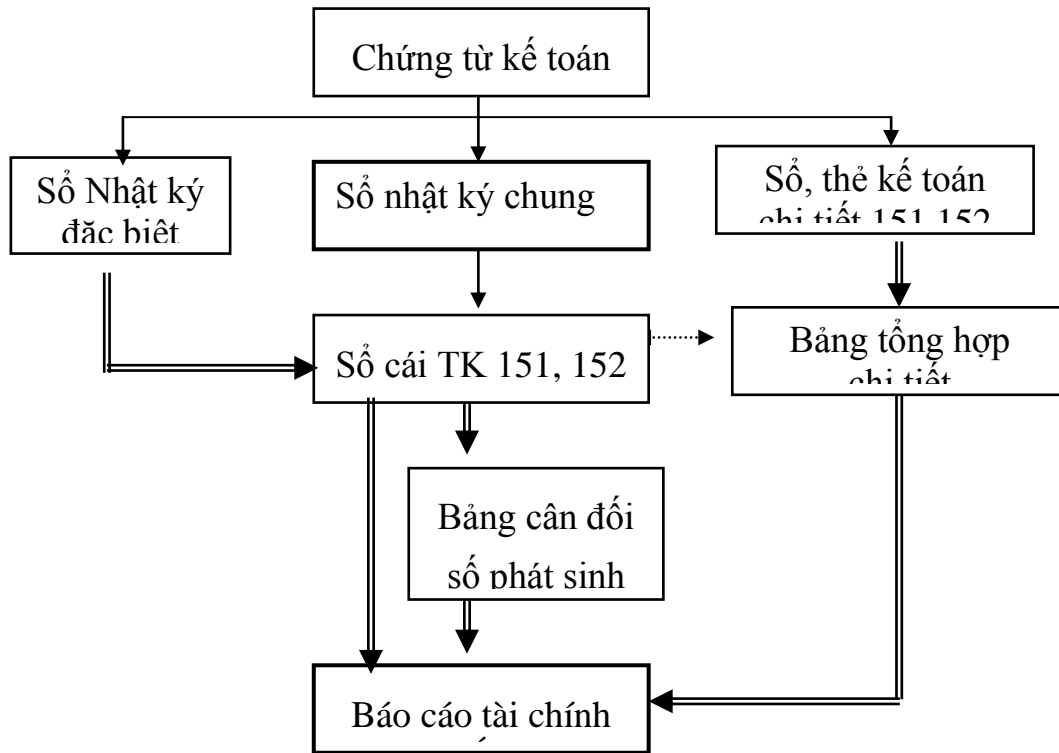
(1) Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

Trường hợp đơn vị mở các sổ Nhật ký đặc biệt thì hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ được dùng làm căn cứ ghi sổ, ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký đặc biệt liên quan. Định kỳ (3, 5, 10... ngày) hoặc cuối tháng, tùy khối lượng nghiệp vụ phát sinh, tổng hợp từng sổ Nhật ký đặc biệt, lấy số liệu để ghi vào các tài khoản phù hợp trên Sổ Cái, sau khi đã loại trừ số trùng lặp do một nghiệp vụ được ghi đồng thời vào nhiều sổ Nhật ký đặc biệt (nếu có).

(2) Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh.

Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các Sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính.

Về nguyên tắc, Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên sổ Nhật ký chung (hoặc sổ Nhật ký chung và các sổ Nhật ký đặc biệt sau khi đã loại trừ số trùng lặp trên các sổ Nhật ký đặc biệt) cùng kỳ.



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ⇒
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ↔

Sơ đồ 1.6.1.2 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán nhật ký chung

1.6.2 Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái

1.6.2.1 Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái: Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký - Sổ Cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký - Sổ Cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

1.6.3 Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

1.6.3.1 Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ: Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

- + Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ.
- + Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ Cái.

Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Chứng từ ghi sổ;
- Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ;
- Sổ Cái;
- Các Sổ, Thẻ kế toán chi tiết.

1.6.4 Hình thức sổ kế toán Nhật ký - Chứng từ

1.6.4.1 Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký-Chứng từ (NKCT)

- Tập hợp và hệ thống hoá các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ.

- Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hoá các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản).

- Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép.

- Sử dụng các mẫu sổ in sẵn các quan hệ đối ứng tài khoản, chỉ tiêu quản lý kinh tế, tài chính và lập báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Nhật ký chứng từ;
- Bảng kê;
- Sổ Cái;
- Sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết.

1.6.5 Hình thức kế toán trên máy vi tính

1.6.5.1 Đặc trưng cơ bản của Hình thức kế toán trên máy vi tính

Đặc trưng cơ bản của Hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

Các loại sổ của Hình thức kế toán trên máy vi tính:

Phần mềm kế toán được thiết kế theo Hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

Chương 2

THỰC TRẠNG KẾ TOÁN VẬT TƯ TẠI CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH MINH PHƯỢNG

2.1 Giới thiệu chung

2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của công ty.

- ❖ Tên giao dịch Tiếng Việt: **Công ty TNHH sản xuất kinh doanh Minh Phượng**
- ❖ Tên giao dịch Tiếng Anh: **MINH PHUONG TRADING AND PRODUCING CO., LTD**
- ❖ Trụ sở : Số 68 Kiến Thiết, phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.
- ❖ Xưởng sản xuất: Cách Thượng- Sở Dầu- Hồng Bàng- Hải Phòng
- ❖ Tel : **(031) 3970599-3589108**
- ❖ Fax : (031) 3589108
- ❖ Email : **info@minhphuongsteel.com.vn**
- ❖ Website : www.minhphuongsteel.com.vn
- ❖ Mã số thuế : 0200459834

Công ty TNHH SXKD Minh Phượng là đơn vị được thành lập theo Quyết định số 1262/2002 ngày 2 tháng 04 năm 2002 của Bộ Thương Mại. Và được Sở kế hoạch Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp giấy đăng ký kinh doanh số 0202000713 ngày 29/04/2002, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 18/07/2009.

- Công ty TNHH SXKD Minh Phượng được thành lập bởi Ông Đặng Quang Suốt cùng các con gái của mình

- Ngành nghề kinh doanh chủ yếu là: Chế tạo và lắp đặt các thiết bị phi tiêu chuẩn cho các nhà máy, chế tạo lắp đặt các hệ thống cầu trục, các kết cấu thép và các sản phẩm cơ khí. Kinh doanh các loại thép phục vụ công nghiệp.

- Công ty có đội ngũ kỹ sư có trình độ cao và có nhiều năm kinh nghiệm thi công lắp đặt các công trình lớn cùng với đội ngũ công nhân lành nghề đã và

đang tạo lên những sản phẩm có chất lượng tốt đảm bảo hài lòng cho khách hàng. Qua đó, tạo uy tín cho công ty trong những năm qua.

- Với phương châm luôn tạo ra các giá trị thỏa mãn tối đa nhu cầu khách hàng về chất lượng, tiến độ, giá cả... kết hợp với chiến lược đầu tư hợp lý, Công ty TNHH SXKD Minh Phương đã phát triển bền vững trong những năm qua.

- Từ số vốn đầu tư 1,5 tỷ ban đầu với hơn 40 công nhân, đến nay vốn chủ sở hữu của công ty là 16 tỷ với hơn 150 công nhân luôn được đảm bảo có việc làm ổn định và được tham gia đóng bảo hiểm xã hội.

- Thị trường chính của Công ty TNHH SXKD Minh Phương là thị trường quốc gia

➤ **Những thành tích cơ bản mà doanh nghiệp đạt được:**

Danh sách một số công trình đã và đang thực hiện trong vòng 4 năm gần đây

Đơn vị: 1 000 000 000 đồng

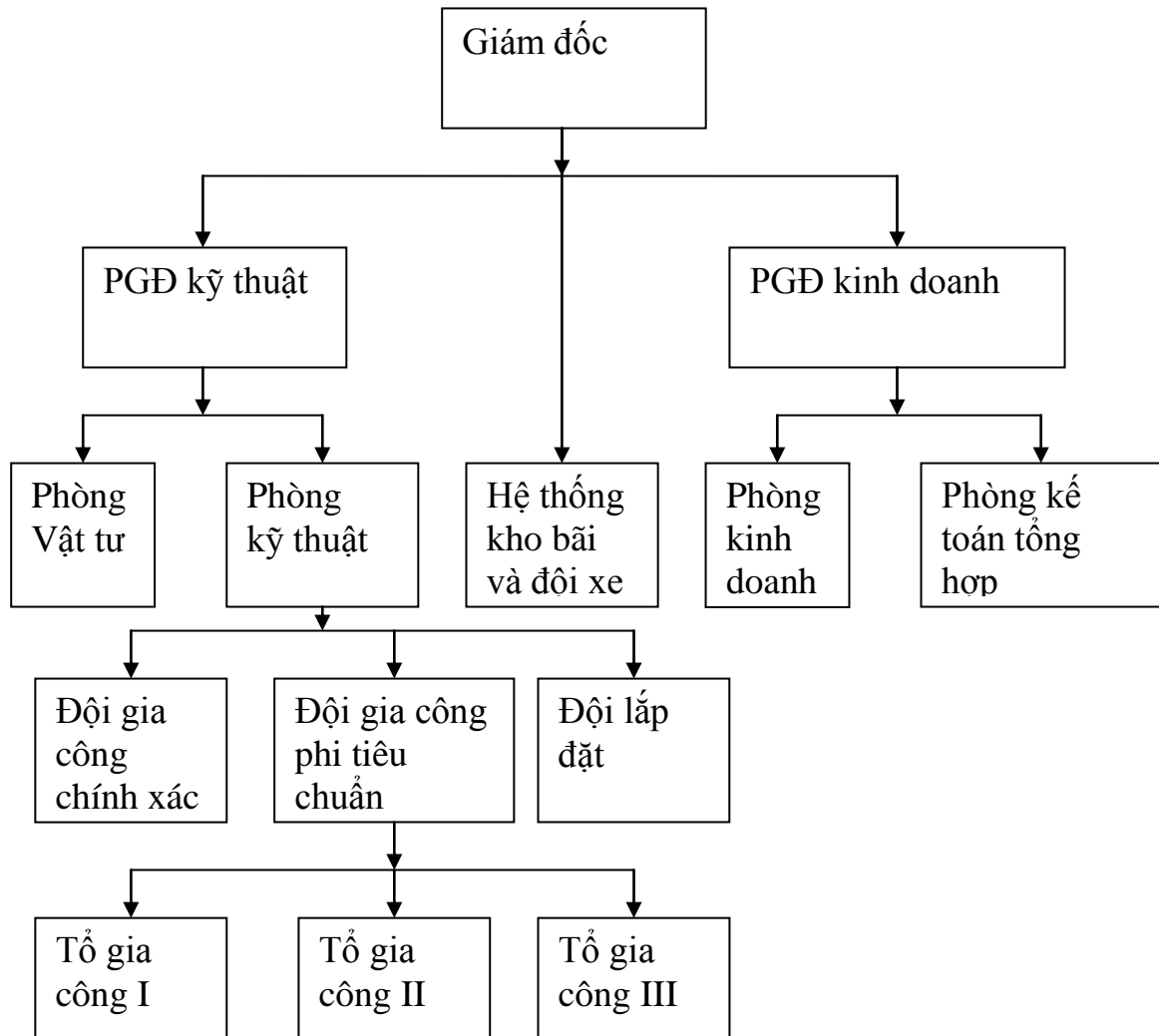
<i>STT</i>	<i>Tên hợp đồng</i>	<i>Tổng giá trị thực hiện</i>	<i>Đơn vị chủ đầu tư</i>
1	Chế tạo, lắp dựng phi tiêu chuẩn một phần nhà máy xi măng Chinfon Hải Phòng	3.500	Tập đoàn Chinfon- Đài Loan
2	Chế tạo, lắp dựng phi tiêu chuẩn một phần nhà máy xi măng Nghi Sơn, Thanh Hóa	2.500	Công ty xi măng Nghi Sơn
3	Chế tạo, lắp dựng phi tiêu chuẩn nhà máy xi măng Lam Thạch GD1 và GD2	25.000	Công ty CP xi măng và xây dựng Quảng Ninh
4	Chế tạo, lắp dựng phi tiêu chuẩn và khung nhà Nhà máy phôi thép Đình Vũ GD1 và GD2	2.500	Công ty xi măng Nghi Sơn
5	Chế tạo, lắp dựng phi tiêu chuẩn nhà máy xi măng Lam Thạch GD1 và GD2	20.000	Công ty CP Thép Đình Vũ, Hải Phòng

<i>STT</i>	<i>Tên hợp đồng</i>	<i>Tổng giá trị thực hiện</i>	<i>Đơn vị chủ đầu tư</i>
6	Chế tạo, lắp dựng phi tiêu chuẩn và khung nhà Nhà máy thức ăn gia súc Dr. Nupak Hưng Yên	3.300	Công ty CP chế biến thức ăn gia súc Hưng Yên
7	Chế tạo, lắp dựng phi tiêu chuẩn và khung nhà Nhà máy thức ăn gia Hoàng Sơn	2.100	Công ty CP Hoàng Sơn, Hưng Yên
8	Chế tạo, lắp dựng phi tiêu chuẩn và khung nhà Công ty giấy da Phú Hải, Hải Phòng.	2.700	Công ty giấy da Phú Hải, Hải Phòng.
9	Chế tạo Càng thủy điện A Vương	2.700	Công ty cơ khí Duyên Hải, Hải Phòng
10	Chế tạo phao neo tàu biển và phao báo hiệu	2.800	Công ty nạo vét Đường thủy 1
11	Chế tạo lô thép cuộn cáp điện đường kính từ 1.950mm	15.000	Công ty liên doanh cáp điện LS- VINA
12	Chế tạo giá búa đóng cọc 45m	3.000	Công ty CP Đầu tư công trình thủy
13	Chế tạo, lắp khung nhà cho Công ty TNHH Thành Đạt, Quảng Ninh	1.000	Công ty TNHH Thành Đạt, Quảng Ninh
14	Chế tạo, lắp dựng phi tiêu chuẩn và hệ thống cầu trục Nhà máy luyện phôi thép	4.000	Công ty CP Tân Phú Xuân, Hải Dương

2.1.2 Cơ cấu bộ máy quản lý, bộ máy kế toán

2.1.2.1 Cơ cấu bộ máy quản lý

Công ty TNHH SXKD Minh Phương là doanh nghiệp tư nhân. Việc tổ chức bộ máy quản lý gọn nhẹ mang tính tất yếu. Bên cạnh đó, việc xây dựng bộ máy quản lý phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh luôn được giám đốc quan tâm.



❖ **Sơ đồ 2.1.2: Bộ máy quản lý điều hành của Công ty TNHH sản xuất kinh doanh Minh Phương**

*** Chức năng của từng bộ phận:**

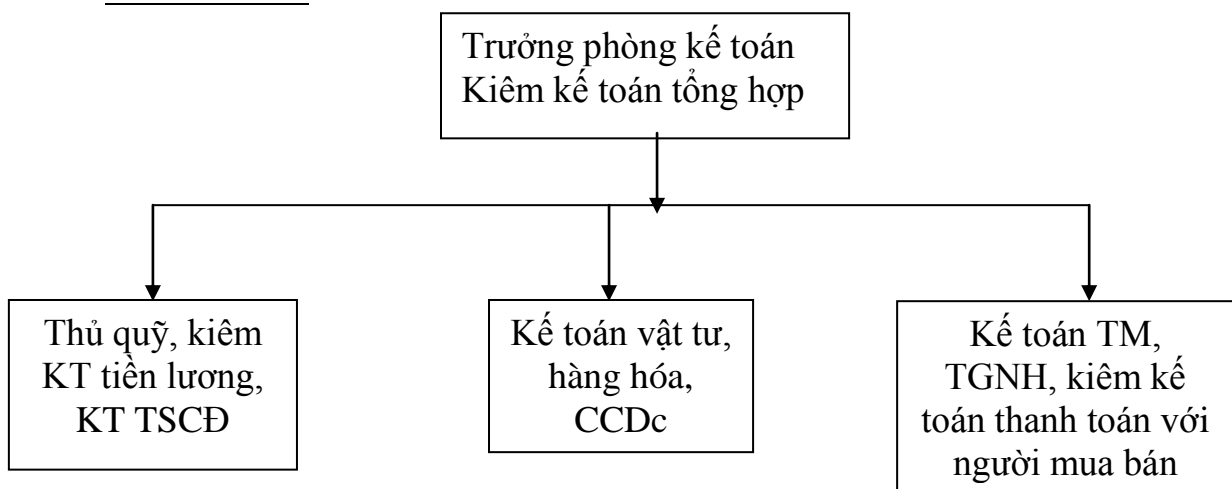
- ✓ **Giám đốc:** là người có quyền quyết định cao nhất, là người đại diện về mặt pháp lý của công ty. Giám đốc có quyền quyết định việc tiến hành hoạt động của Doanh nghiệp theo đúng chế độ, chính sách của Nhà nước. Giám đốc có quyền quyết định, tổ chức bộ máy quản lý của Doanh nghiệp sao cho phù hợp và bảo đảm hoạt động kinh doanh có hiệu quả.
- ✓ **Phó giám đốc kỹ thuật:** Phó giám đốc là người giúp việc đắc lực cho Giám Đốc, thực hiện các nhiệm vụ do Giám đốc phân công hoặc uỷ quyền. Cụ thể giúp Giám đốc điều hành toàn bộ hoạt động trong lĩnh vực kỹ thuật của công ty. Tham mưu cho Giám đốc trong việc kỹ thuật sản xuất của công ty.
- ✓ **Phó giám đốc kinh doanh:** Phó giám đốc là người giúp việc đắc lực cho Giám Đốc, thực hiện các nhiệm vụ do Giám đốc phân công hoặc uỷ quyền. Cụ thể giúp Giám đốc điều hành toàn bộ hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh, quản lý của công ty. Tham mưu cho Giám đốc trong các phương án cũng như hoạt động kinh doanh bán hàng, quản lý kinh tế cho công ty một cách chặt chẽ, có khoa học.
- ✓ **Các phòng ban nghiệp vụ:**
 - Phòng vật tư: Là người giúp việc cho Giám đốc, có chức năng quản lý cũng như cung cấp toàn bộ lượng vật tư của doanh nghiệp theo kế hoạch của phòng sản xuất kinh doanh.
 - Phòng kỹ thuật: Là người giúp việc cho Giám đốc, có trách nhiệm nghiên cứu về mặt kỹ thuật, chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm trước ban Giám đốc cũng như chất lượng sản phẩm.
 - Phòng kinh doanh: Là người giúp việc cho Giám đốc, có trách nhiệm khai thác các thông tin mua vào bán ra của hàng hóa, có trách nhiệm cùng với phòng kế toán theo dõi hàng hóa bán ra, mua vào, công nợ và cung cấp về kế hoạch cung tiêu hàng hóa cho công ty.
 - Phòng kế toán tổng hợp: Là người giúp việc cho Giám đốc, có trách nhiệm quản lý chặt chẽ về hoạt động kinh tế của công ty, theo dõi các nghiệp vụ

kinh tế phát sinh trong công ty, đồng thời giúp Giám đốc trong việc lên các phương án chuẩn bị về mặt đầu tư nguồn vốn, tài sản cố định, kế hoạch mua vào bán ra các loại vật tư, nguyên nhiên liệu, hàng hóa...cho công ty.

2.1.2.2 Cơ cấu bộ máy kế toán

Bộ máy kế toán của công ty có nhiệm vụ hạch toán toàn bộ quá trình sản xuất kinh doanh của công ty, theo dõi, phân tích tình hình tài chính của Công ty, cung cấp các thông tin cho tài chính cho ban giám đốc.

Sơ đồ kế toán :



❖ **Sơ đồ 2.1.2.2 Bộ máy kế toán TNHH sản xuất kinh doanh Minh Phượng**

- **Trưởng phòng kế toán kiêm kế toán tổng hợp:** Là người giúp cho giám đốc trong công tác chuyên môn mà mình đảm nhiệm, có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn các nghiệp vụ của công ty, bao quát toàn bộ công tác kế toán của công ty, đôn đốc các kế toán viên hoàn thành công việc kịp thời, chính xác, tổ chức công tác kế toán và các báo cáo, xây dựng kế hoạch tài chính của công ty.

- **Thủ quỹ, kiêm kế toán tiền lương, kế toán TSCĐ:** giữ tiền và các khoản tương đương tiền; nhập xuất tiền theo giấy tờ hợp lệ của cơ quan (phiếu chi, phiếu xuất); Lập sổ quỹ tiền mặt, sau đó đối chiếu với sổ cái tiền mặt. Tính lương và trích các khoản theo lương kịp thời chính xác. Kế toán viên có nhiệm vụ theo

dôi tình hình tăng, giảm của tài sản cố định và sự biến động của các khoản đầu tư dài hạn. Từ đó công ty có biện pháp cụ thể với các khoản đầu tư dài hạn.

- **Kế toán vật tư, hàng hóa, công cụ dụng cụ:** Hạch toán đầy đủ, kịp thời số liệu, tình hình biến động của nguyên vật liệu, hàng hóa, công cụ dụng cụ nhập xuất.

- **Kế toán vốn bằng tiền và thanh toán với người mua, người bán:** Phản ánh chính xác, kịp thời những khoản thu, chi và tình hình tăng giảm, thừa thiếu của từng loại vốn bằng tiền. Đồng thời hướng dẫn và kiểm tra việc ghi chép của thủ quỹ. Kiểm tra thường xuyên, đối chiếu số liệu củ thủ quỹ với kế toán tiền mặt để đảm bảo tính cân đối thống nhất. Theo dõi các khoản phải thu, phải trả với khách hàng.

2.1.3 Giới thiệu về các phần hành kế toán

- Chế độ kế toán công ty áp dụng: Cty TNHH SXKD Minh Phương áp dụng chế độ kế toán theo quyết định 15/2006/QĐ-BTC của Bộ trưởng Bộ tài chính và các quyết định khác có liên quan.

Hệ thống báo cáo tài chính theo quyết định này bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán (mẫu số B01-DN)
- Báo cáo kết quả kinh doanh (mẫu số B02-DN)
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (mẫu số 03-DN)
- Thuyết minh báo cáo tài chính (mẫu số B09-DN)

- Hình thức sổ kế toán áp dụng: Cty TNHH SXKD Minh Phương áp dụng hình thức sổ nhật ký chung

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung là tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều được ghi vào sổ nhật ký mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Theo hình thức này, hàng ngày căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ Nhật ký chung sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào sổ Cái theo

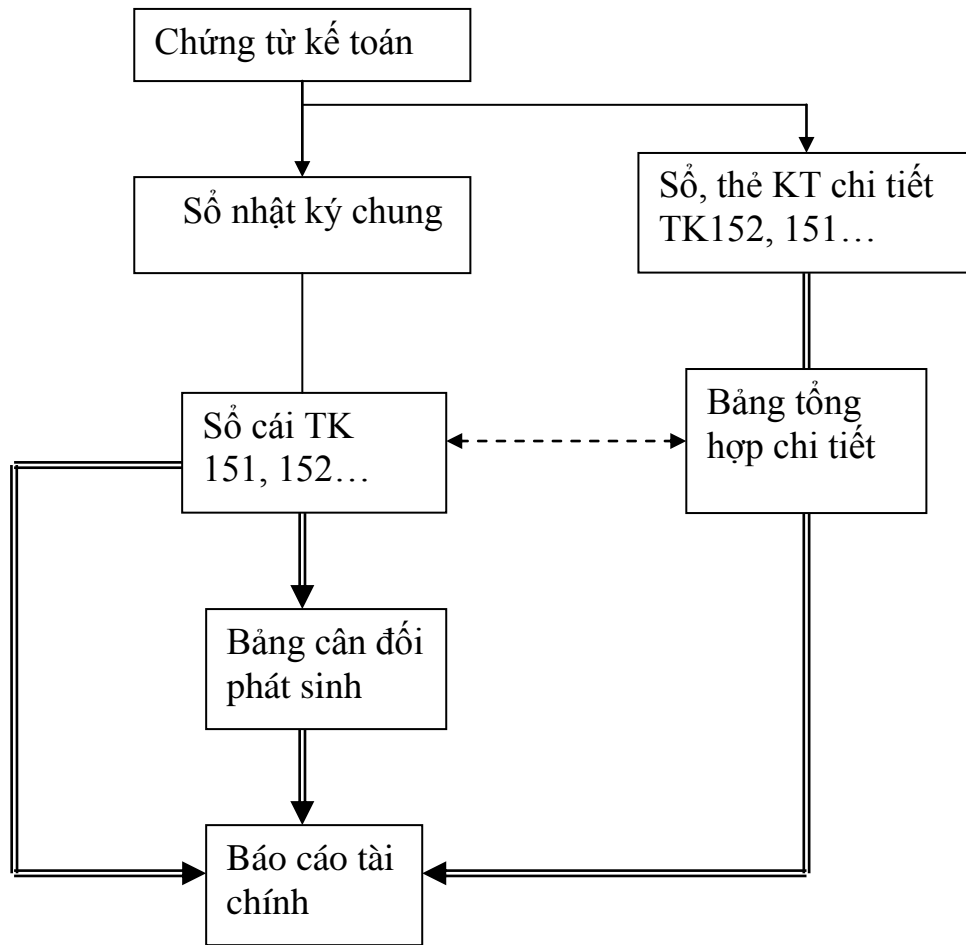
các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

Trường hợp đơn vị mở các sổ nhật ký đặc biệt thì hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ được dùng làm căn cứ ghi sổ, ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký đặc biệt liên quan. Định kỳ hoặc cuối tháng tùy khối lượng nghiệp vụ phát sinh, tổng hợp từng sổ Nhật ký đặc biệt, lấy số liệu để ghi vào các tài khoản phù hợp trên sổ Cái sau khi đã loại trừ số trùng lặp do một nghiệp vụ được ghi đồng thời vào nhiều sổ Nhật ký đặc biệt. Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên sổ Cái, lập bảng cân đối phát sinh sau khi kiểm tra đối chiếu khớp đúng số liệu ghi trên sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập các báo cáo tài chính.

Về nguyên tắc, tổng số phát sinh nợ và tổng số phát sinh có trên bảng cân đối số phát sinh phải bằng nhau và bằng tổng số phát sinh nợ, có trên sổ Nhật ký chung cùng kỳ.

Hệ thống báo cáo:

Báo cáo bắt buộc của công ty bao gồm: Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, thuyết minh báo cáo tài chính. Riêng báo cáo gửi cho cơ quan thuế phải có thêm bảng cân đối tài khoản



❖ **Sơ đồ 2.1.3 Trình tự ghi sổ kế toán của Công ty TNHH sản xuất kinh doanh Minh Phượng**

Ghi chú:

- Ghi hàng ngày \longrightarrow
- Ghi cuối tháng \Longrightarrow
- Đối chiếu, kiểm tra \longleftrightarrow

- **Phương pháp tính giá:** Công ty TNHH SXKD Minh Phượng áp dụng phương pháp giá bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ.

2.2 Thực trạng công tác kế toán vật tư tại công ty TNHH sản xuất và kinh doanh Minh Phương

2.2.1 Đặc điểm vật tư tại Công ty TNHH SXKD Minh Phương.

Công ty TNHH SXKD Minh Phương là công ty chuyên về sản xuất kết cấu thép và các sản phẩm cơ khí. Chi phí VT là một yếu tố chi phí quan trọng, chiếm tỉ trọng lớn trong giá thành sản phẩm, do đó công tác quản lý và sử dụng VT trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty được đặt lên hàng đầu.

Đi đôi với việc xây dựng hệ thống kho, bãi, Công ty quy định cụ thể trách nhiệm của từng cá nhân được chỉ định quản lý VT, HH. Nếu xảy ra mất mát, hao hụt VT thì cá nhân quản lý phải chịu trách nhiệm vật chất trước Giám đốc

NVL chính của công ty là sắt thép

NVL phụ là các sản phẩm phục vụ cho chế tạo cơ khí

Do sản phẩm công ty sản xuất là đơn chiếc, theo đơn đặt hàng nên NVL tại công ty có rất nhiều loại và đặc biệt là NVL tại công ty có thể điều chuyển sang hàng hóa và ngược lại.

CCDC chủ yếu là khoan, tay cắt, mặt nạ hàn, máy hàn300A.....

2.2.2 Trình tự kế toán vật tư tại công ty TNHH SXKD Minh Phương

* Quy trình luân chuyển chứng từ vật tư tại công ty TNHH SXKD Minh Phương

2.2.2.1 Quy trình nhập kho vật tư

- Căn cứ vào yêu cầu vật tư do phòng kỹ thuật gửi tới. Phòng vật tư lập kế hoạch mua vật tư. Khi vật tư được mua về, sau khi kiểm tra và lập biên bản kiểm nghiệm vật tư, thủ kho căn cứ biên bản kiểm nghiệm vật tư, viết phiếu nhập kho và tiến hành nhập kho nguyên vật liệu đã được kiểm nghiệm. Phiếu lập kho được lập thành 3 liên, liên 3 giao cho người giao hàng, liên 2 thủ kho dùng để ghi sổ rồi chuyển về phòng kế toán, liên 1 cuối ngày được chuyển về phòng vật tư.

2.2.2.2 Quy trình xuất kho vật tư

- Căn cứ vào lệnh cấp vật tư do phòng vật tư gửi tới, thủ kho viết phiếu xuất kho nguyên vật liệu theo như lệnh cấp vật tư, thủ kho cùng người nhận nguyên vật liệu để ký vào phiếu xuất kho. Phiếu xuất kho được lập thành 3 liên, liên 3 người nhận nguyên vật liệu giữ, liên 2 thủ kho dùng làm căn cứ ghi sổ rồi chuyển về phòng kế toán, liên 1 cuối ngày được chuyển về phòng vật tư.

2.2.3 Kế toán chi tiết vật tư tại Công ty TNHH SXKD Minh Phương

2.2.3.1 Kế toán chi tiết nguyên vật liệu

* Nội dung kế toán nhập kho:

Khi vật liệu mua về đến công ty người đi mua mang hoá đơn trong đó ghi tên hàng hoá, số lượng xuất bán, đơn giá vật liệu, hình thức thanh toán... lên phòng quản lý thiết bị nếu được xác định là đúng như hợp đồng đã thoả thuận thì tiến hành lập phiếu nhập kho. Thủ kho kiểm tra số lượng, quy cách vật liệu thực tế với hoá đơn nếu đúng thì viết phiếu thực nhập vào phiếu nhập kho. Sau đó thủ kho chuyển phiếu nhập kho cho phòng kế toán để theo dõi hạch toán. Phiếu nhập kho được làm căn cứ để ghi vào sổ chi tiết vật tư

Phiếu nhập kho được lập 3 liên:

- + Liên 1: Do phòng tài vụ giữ
- + Liên 2: Do thủ kho tạm giữ
- + Liên 3: Do cán bộ đi mua vật tư giữ kèm với hoá đơn thanh toán

VD: Ngày 5/1 Công ty TNHH SXKD Minh Phương nhập mua thép của Công ty cổ phần thép miền Bắc để sản xuất với nội dung như sau:

Thép cuộn cán nóng $\Phi 3 \times 1250$ Số lượng: 6.050 kg, thành tiền là 73.149.945 đ, Thuế GTGT 10%, thanh toán bằng chuyển khoản.

Biểu số 1:

HOÁ ĐƠN

Mẫu số:01GTKT_3LL

GIÁ TRỊ GIA TĂNG

LS/2010B

Liên 2: Giao cho khách hàng

0018745

Ngày 5 tháng 1 năm 2011

Đơn vị bán hàng: Công ty cổ phần thép Miền Bắc

Địa chỉ : Km89 đường 5 mới- Hùng Vương- Hồng Bàng- HP

Số tài khoản

Điện thoại

MS: 0200643618

Họ tên người mua: Đặng Văn Vĩnh

Tên đơn vị: Công ty TNHH SXKD Minh Phương

Địa chỉ: 68 Kiến Thiết- Sở Dầu- Hồng Bàng- HP

Hình thức thanh toán: CK

MS: 0200459834

Đơn vị tính : đồng

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Thép cuộn cán nóng Φ3x 1250	Kg	6.050	12.090,9	73.149.945

Cộng tiền hàng :

73.149.945

Thuế GTGT 10%:

7.314.995

Tổng cộng tiền thanh toán:

80.464.940

Số tiền bằng chữ: Tám mươi triệu, bốn trăm sáu tư nghìn, chín trăm bốn mươi đồng.

Người mua hàng

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ghi rõ họ tên)

(Ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Khi nhận hàng, cán bộ kỹ thuật và cán bộ vật tư tiến hành kiểm tra lại toàn bộ về chất lượng sản phẩm hàng hoá, mẫu mã...Sau đó tiến hành lập biên bản kiểm nghiệm với nội dung biên bản như sau:

Biểu số 2:

Đơn vị: Cty TNHH SXKD Minh Phương

Mẫu số:03_VT

Bộ phận: PVT

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ_BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BIÊN BẢN KIỂM NGHIỆM

Vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hóa

Ngày 5 tháng 1 năm 2011

Số 01/ BBKN

Căn cứ HĐ số 0018745 ngày 5 tháng 1 năm 2011 của Cty CP thép miền Bắc
Ban kiểm nghiệm gồm:

- + Ông/ Bà: Phạm Văn Chủy Chức vụ: TP kỹ thuật Trưởng ban
- + Ông/ Bà: Đặng Văn Vĩnh Chức vụ: TP vật tư Ủy viên
- + Ông/ Bà: Nguyễn Tuấn Ngọc Chức vụ: TP vật tư Ủy viên

Đã kiểm nghiệm các loại vật tư sau:

Số TT	Tên, quy cách vật tư	Mã số	Phương thức kiểm nghiệm	ĐVT	S.L theo chứng từ	Kết quả kiểm nghiệm		Ghi chú
						SL đúng quy cách, phẩm chất	SL sai quy cách, phẩm chất	
1	Thép cuộn cán nóng $\Phi 3 \times 1250$	PL3	Đo, cân	kg	6.050	6.050		

Ý kiến của ban kiểm nghiệm: Vật tư đủ số lượng, kích thước, đạt yêu cầu

Đại diện kỹ thuật

Thủ kho

Trưởng ban

Ký, họ tên

Ký, họ tên

Ký, họ tên

Hàng hoá sau khi đã được kiểm tra xem xét, thủ kho tiến hành nhập kho sản phẩm theo nội dung phiếu nhập hàng như sau:

Biểu số 03

Đơn vị: Cty TNHH SXKD Minh Phương

Mẫu số:03_VT

Bộ phận: PVT

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ_BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 05 tháng 1 năm 2011

Số:01/1

Nợ:

Có:

Họ tên người giao hàng: Đặng Văn Vĩnh

Nhập tại kho: Vật tư

Theo HĐ số 0018745 ngày 5 tháng 1 năm 2011 của Cty CP thép MB

STT	Tên nhãn hiệu, quy cách phẩm chất, vật tư	Đơn vị tính	Mã số	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
	Thép cuộn cán nóng $\Phi 3 \times 1250$	kg	PL3	6.050	6.050	12090,9	73.149.945
	Cộng						73.149.945

Tổng số tiền(viết bằng chữ): Bảy mươi ba triệu, một trăm bốn chín nghìn, chín trăm bốn mươi đồng./

Số chứng từ gốc kèm theo:

Người nhập

Thủ kho

Kế toán trưởng

Thủ trưởng

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Ngày 5/1, Công ty TNHH SXKD Minh Phương mua thép của Công ty CP sản xuất và kinh doanh Kim Khí:

Thép tấm I200x100x5,5x8, số lượng là: 3.322,8 kg; Thành tiền: 54.977.221 đ

Thép tấm Φ10x1500x6000, số lượng: 11.304 kg; Thành tiền: 162.366.586 đ

Thép tấm Φ12x1500x6000, số lượng: 22.117 kg; Thành tiền: 317.680.626 đ

Thuế GTGT 10%, thanh toán bằng chuyển khoản.

Biểu số 4:

HOÁ ĐƠN Mẫu số:01GTKT_3LL
GIÁ TRỊ GIA TĂNG KM/2010B
Liên 2: Giao cho khách hàng 0052048
Ngày 5 tháng 1 năm 2011

Đơn vị bán hàng: Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh Kim Khí

Địa chỉ : Số 6 Nguyễn Trãi- Hồng Bàng- HP

Số tài khoản:

Điện thoại MS: 0200412681

Họ tên người mua: Đặng Quang Hiếu

Tên đơn vị: Công ty TNHH SXKD Minh Phương

Địa chỉ: 68 Kiến Thiết- Sở Dầu- Hồng Bàng- HP

Hình thức thanh toán: CK MS: 0200459834

Đơn vị tính : đồng

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Thép I200x100x5,5x8	Kg	3.322,8	16.545,45	54.977.221
2	Thép tấm Φ10x1500x6000	Kg	11.304	14.363,64	162.366.586
3	Thép tấm Φ12x1500x6000	Kg	22.117	14.363,64	317.680.626

Cộng tiền hàng : 535.024.433

Thuế GTGT 10%: 53.502.443

Tổng cộng tiền thanh toán: 588.526.876

Số tiền bằng chữ: Năm trăm tám mươi tám triệu, năm trăm hai mươi sáu nghìn, tám trăm bảy mươi sáu đồng.

Người mua hàng
(Ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đvị
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 5:

Đơn vị: Cty TNHH SXKD Minh Phương

Mẫu số:03_VT

Bộ phận: PVT

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ_BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BIÊN BẢN KIỂM NGHIỆM

Vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hóa

Ngày 5 tháng 1 năm 2011

Số 02/ BBKN

Căn cứ HĐ số 0052048 ngày 5 tháng 1 năm 2011 của Cty CP sx & KD Kim Khí

Ban kiểm nghiệm gồm:

+ Ông/ Bà: Phạm Văn Chủy Chức vụ: TP kỹ thuật Trưởng ban

+ Ông/ Bà: Đặng Văn Vĩnh Chức vụ: TP vật tư Ủy viên

+ Ông/ Bà: Nguyễn Tuấn Ngọc Chức vụ: TP vật tư Ủy viên

Đã kiểm nghiệm các loại vật tư sau:

Số TT	Tên, quy cách vật tư	Mã số	Phương thức kiểm nghiệm	ĐVT	S.L theo chứng từ	Kết quả kiểm nghiệm		Ghi chú
						SL đúng quy cách, phẩm chất	SL sai quy cách, phẩm chất	
1	Thép I200x100x5,5x8	I200		Kg	3.322,8	3.322,8		
2	Thép tấm Φ10x1500x6000	PL10		Kg	11.304	11.304		
3	Thép tấm	PL12		Kg	22.117	22.117		

Φ12x1500x6000							
---------------	--	--	--	--	--	--	--

Ý kiến của ban kiểm nghiệm: Vật tư đủ số lượng, kích thước, đạt yêu cầu

Đại diện kỹ thuật

Thủ kho

Trưởng ban

Ký, họ tên

Ký, họ tên

Ký, họ tên

Biểu số 06

Đơn vị: Cty TNHH SXKD Minh Phương

Mẫu số:03_VT

Bộ phận: PVT

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ_BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 05 tháng 1 năm 2011

Số:02/1

Nợ:

Có:

Họ tên người giao hàng: Đặng Quang Hiếu

Nhập tại kho: Vật tư

Theo HĐ số 0052048 ngày 5 tháng 1 năm 2011 của Cty CP sx & kd Kim Khí

STT	Tên nhãn hiệu, quy cách phẩm chất, vật tư	Đơn vị tính	Mã số	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Thép I200x100x5,5x8	Kg	I200	3.322,8	3.322,8	16.545,45	54.977.221
2	Thép tấm Φ10x1500x6000	Kg	PL10	11.304	11.304	14.363,64	162.366.586
3	Thép tấm Φ12x1500x6000	Kg	PL12	22.117	22.117	14.363,64	317.680.626
	Cộng						535.024.433

Tổng số tiền(viết bằng chữ): Năm trăm ba mươi năm triệu, không trăm hai mươi bốn nghìn, bốn trăm ba mươi ba đồng.

Số chứng từ gốc kèm theo:

Ngày 5 tháng 1 năm 2011

Người nhập

Thủ kho

Kế toán trưởng

Thủ trưởng

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Ngày 12/1, Công ty TNHH SXKD Minh Phượng mua thép của công ty TNHH ống thép 190 số tiền là: 1.479.361.000 đ, Thuế GTGT 10%, Thanh toán bằng chuyển khoản.

Biểu số 7:

HOÁ ĐƠN

Mẫu số:01GTKT_3LL

GIÁ TRỊ GIA TĂNG

QK/2010B

Liên 2: Giao cho khách hàng

0068927

Ngày 12 tháng 1 năm 2011

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH ống thép 190

Địa chỉ : Số 91- Khu Cam Lộ- Hùng Vương- Hồng Bàng- HP

Số tài khoản:

Điện thoại

MS: 0200414657

Họ tên người mua: Đặng Văn Vĩnh

Tên đơn vị: Công ty TNHH SXKD Minh Phương

Địa chỉ: 68 Kiến Thiết- Sở Dầu- Hồng Bàng- HP

Hình thức thanh toán: CK

MS: 0200459834

Đơn vị tính : đồng

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng (1)	Đơn giá (2)	Thành tiền (3=1x2)
1	Thép ống Φ 168 x 6	Kg	4.569		
2	Thép ống Φ 48,3 x 3,2	Kg	30.100		
3	Thép hộp 100x100x3,2	Kg	30.007		
4	Thép C200 x 100 x 2	Kg	37.817		
5	Thép tấm Φ8x1500x6000	Kg	11.304		
	Cộng		113.797	13.000	1.479.361.000

Cộng tiền hàng : 1.479.361.000

Thuế GTGT 10%: 147.936.100

Tổng cộng tiền thanh toán: 1.627.297.100

Số tiền bằng chữ: Một tỷ, sáu trăm hai mươi bảy triệu, hai trăm chín mươi bảy nghìn, một trăm đồng.

Người mua hàng
(Ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đvị
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 8:

Đơn vị: Cty TNHH SXKD Minh Phương

Mẫu số:03_VT

Bộ phận: PVT

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ_BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BIÊN BẢN KIỂM NGHIỆM

Vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hóa

Ngày 12 tháng 1 năm 2011

Số 05/ BBKN

Căn cứ HĐ số 0068927 ngày 12 tháng 1 năm 2011 của Cty CP ống thép 190

Ban kiểm nghiệm gồm:

- + Ông/ Bà: Phạm Văn Chủy Chức vụ: TP kỹ thuật Trưởng ban
- + Ông/ Bà: Đặng Văn Vĩnh Chức vụ: TP vật tư Ủy viên
- + Ông/ Bà: Nguyễn Tuấn Ngọc Chức vụ: TP vật tư Ủy viên

Đã kiểm nghiệm các loại vật tư sau:

Số TT	Tên, quy cách vật tư	Mã số	Phương thức kiểm nghiệm	ĐVT	S.L theo chứng từ	Kết quả kiểm nghiệm		Ghi chú
						SL đúng quy cách, phẩm chất	SL sai quy cách, phẩm chất	
1	Thép ống Φ 168 x 6	0168x6	Đo, cân	Kg	4.569	4.569		
2	Thép ống Φ 48,3 x 3,2	0483x3,2	Đo, cân	Kg	30.100	30.100		
3	Thép hộp 100 x 100 x 3,2	H0100	Đo, cân	Kg	30.007	30.007		
4	Thép C200 x 100 x 2	C200	Đo, cân	Kg	37.817	37.817		
5	Thép tấm Φ 8 x 1500x 6000	PL8	Đo, cân	Kg	11.304	11.304		

Ý kiến của ban kiểm nghiệm: Vật tư đủ số lượng, kích thước, đạt yêu cầu

Đại diện kỹ thuật

Thủ kho

Trưởng ban

Ký, họ tên

Ký, họ tên

Ký, họ tên

Biểu số 09

Đơn vị: Cty TNHH SXKD Minh Phương

Mẫu số:03_VT

Bộ phận: PVT

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ_BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 12 tháng 1 năm 2011

Số:05/1

Nợ:

Có:

Họ tên người giao hàng: Đặng Văn Vĩnh

Nhập tại kho: Vật tư

Địa điểm: Thôn Cách Thượng- Nam Sơn- An Dương- HP

Theo HĐ số 0068927 ngày 12 tháng 1 năm 2011 của Cty CP ống thép 190

ST T	Tên nhãn hiệu, quy cách phẩm chất, vật tư	Đơn vị tính	Mã số	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Thép ốngΦ168 x 6	Kg	0168x6	4.569	4.569	13.000	59.397.000
2	Thép ống Φ 48,3 x 3,2	Kg	0483x3,2	30.100	30.100	13.000	391.300.000
3	Thép hộp 100 x 100 x 3,2	Kg	H0100	30.007	30.007	13.000	390.091.000
4	Thép C200 x 100 x 2	Kg	C200	37.817	37.817	13.000	491.621.000
5	Thép tấm Φ8 x 1500 x 6000	Kg	PL8	11.304	11.304	13.000	146.952.000
	Cộng						1.497.361.000

Tổng số tiền(viết bằng chữ): Một tỷ, bốn trăm bảy mươi chín triệu, ba trăm sáu mươi một nghìn đồng chẵn.

Số chứng từ gốc kèm theo:

Ngày 12 tháng 1 năm 2011

Người nhập
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Thủ trưởng
(Ký, họ tên)

➤ Nội dung công tác nguyên vật liệu xuất kho:

Thực tế tại công ty TNHH SXKD Minh Phương, nghiệp vụ xuất nguyên vật liệu phát sinh căn cứ vào kế hoạch sản xuất của công ty để phục vụ cho tiến độ thi công của từng công việc. Thủ kho căn cứ vào đó sẽ viết phiếu xuất kho.

VD1: Ngày 06/1, Xuất kho nguyên vật liệu phục vụ cho việc chế tạo lô chứa cáp điện Ø3700- CtyCP cáp điện LS VINA với nội dung phiếu xuất kho như sau:

Biểu số 10 :

Đơn vị: Cty TNHH SXKD Minh Phương

Mẫu số:02_VT

Bộ phận: PVT

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ_BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 06 tháng 1 năm 2011

Số: 01/1

Nợ:

Có:

Họ tên người nhận hàng : Nguyễn Hữu Thức – Bộ phận:Đội g/c chính xác

Lý do xuất kho:Chế tạo lô chứa cáp điện Ø3700- CtyCP cáp điện LS VINA

Xuất tại kho: Kho Vật tư

Đv tính : đồng

Stt	Tên nhãn hiệu quy cách phẩm chất, vật tư	Mã số	Đơn vị	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Thép cuộn cán nóng Ø3	PL3	Kg	1.230	1.230	12.084,56	14.864.009
2	Thép ống Ø168 x 6	1068x6	Kg	270	270	13.000	3.510.000
3	Thép tấm Ø8	PL8	Kg	1.360	1.360	12.727,27	17.309.087
4	Oxi	OX	Chai	01	01	36.000	36.000
5	Que hàn Ø3,2	QH3,2	Kg	30	30	20.000	600.000
	Cộng						36.319.096

Tổng cộng số tiền(Viết bằng chữ): Ba mươi sáu triệu, ba trăm mười chín nghìn, không trăm chín mươi sáu đồng

Số chứng từ gốc kèm theo:

Ngày 6 tháng 1 năm 2011

Người lập phiếu Người nhận hàng Thủ kho KT trưởng Giám đốc
(Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên)

VD2: Ngày 06/1, Xuất kho nguyên vật liệu phục vụ cho việc chế tạo xilô chứa xi măng $\Phi 3700$ -CtyCP ĐTXD Phúc Tiến với nội dung phiếu xuất kho như sau:

Biểu số 11 :

Đơn vị: Cty TNHH SXKD Minh Phương

Mẫu số:02_VT

Bộ phận: PVT

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ_BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 06 tháng 1 năm 2011

Số: 02/1

Nợ:

Có:

Họ tên người nhận hàng : Nguyễn Hữu Thức – Bộ phận:Đội g/c I

Lý do xuất kho:Chế tạo xilô chứa xi măng $\Phi 3700$ -CtyCP ĐTXD Phúc Tiến

Xuất tại kho: Kho Vật tư Địa chỉ: Cách Thượng- Nam Sơn-AD- HP

Đv tính : đồng

Stt	Tên nhãn hiệu quy cách phẩm chất, vật tư	Mã số	Đơn vị	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Thép tấm $\Phi 10$	PL10	Kg	5.600	5.600	14.242,43	79.757.608
2	Thép tấm $\Phi 8$	PL8	Kg	1.200	1.200	12.727,27	15.272.724
3	Que hàn $\Phi 3,2$	QH3,2	Kg	50	50	20.000	1.000.000
4	Oxi	OX	Chai	3	3	36.000	108.000

Cộng						96.138.332
------	--	--	--	--	--	------------

Tổng cộng số tiền(Viết bằng chữ): Chín mươi sáu triệu, một trăm ba mươi tám nghìn, ba trăm ba mươi hai đồng.

Số chứng từ gốc kèm theo:

Ngày 6 tháng 1 năm 2011

Người lập phiếu Người nhận hàng Thủ kho KT trưởng Giám đốc
(Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên)

VD3: Ngày 12/1, Xuất kho nguyên vật liệu phục vụ cho việc chế tạo hệ thống lọc bụi -CtyCP Thép Đình Vũ với nội dung phiếu xuất kho như sau:

Biểu số 12 :

Đơn vị: Cty TNHH SXKD Minh Phương

Mẫu số:02_VT

Bộ phận: PVT

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ_BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 12 tháng 1 năm 2011

Số: 10/1

Nợ:

Có:

Họ tên người nhận hàng : Nguyễn Khiêm Nhung – Bộ phận:Tổ g/c III

Lý do xuất kho:Chế tạo hệ thống lọc bụi -CtyCP Thép Đình Vũ

Xuất tại kho: Kho Vật tư Địa chỉ: Cách Thượng- Nam Sơn-AD- HP

Đv tính : đồng

Stt	Tên nhãn hiệu quy cách phẩm chất, vật tư	Mã số	Đơn vị	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		

1	Thép tấm Φ8	PL8	Kg	10.200	10.200	12.727,27	129.818.154
2	Thép tấm Φ10	PL10	Kg	5.260	5.260	14.242,43	74.915.182
3	Thép tấm Φ12	PL12	Kg	7.720	7.720	14.363,64	110.887.301
4	Thép ống Φ 48,3x3,2	048,3x3,2	Kg	2.790	2.790	13.000	36.270.000
5	Thép ống Φ168	0168x6	Kg	3.582	3.582	13000	46.566.000
6	Thép hộp 100x100x2	HO100	Kg	12.980	12.980	13000	168.740.000
7	Thép C200x100x2	C200	Kg	10.760	10.760	13000	139.880.000
	Cộng						707.076.636

Tổng cộng số tiền(Viết bằng chữ): Bảy trăm linh bảy triệu, không trăm bảy mươi sáu nghìn, sáu trăm ba mươi sáu đồng.

Số chứng từ gốc kèm theo:

Ngày 12 tháng 1 năm 2011

Người lập phiếu Người nhận hàng Thủ kho KT trưởng Giám đốc
(Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên)

VD4: Ngày 15/1, Xuất kho nguyên vật liệu phục vụ cho việc chế tạo dầm Cầu trục - CtyCP Thành Thắng với nội dung phiếu xuất kho như sau:

Biểu số 13 :

Đơn vị: Cty TNHH SXKD Minh Phương

Mẫu số:02_VT

Bộ phận: PVT

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ_BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 15 tháng 1 năm 2011

Số: 15/1

Nợ:

Có:

Họ tên người nhận hàng : Vũ Hữu Hạnh– Bộ phận:Đội g/c PTC-Tổ g/c III

Lý do xuất kho:Chế tạo dầm Cầu trục - CtyCP Thành Thắng

Xuất tại kho: Kho Vật tư

Đv tính : đồng

Stt	Tên nhãn hiệu quy cách phẩm chất, vật tư	Mã số	Đơn vị	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Thép I200x100x5,5x8	I200	Kg	4.984,2	4.984,2	16.545,45	82.465.832
2	Thép tấm Φ12	PL12	Kg	7.350	7.350	14.363,64	105.572.754
3	Oxi	OX	Chai	12	12	36.000	432.000
4	Que hàn Φ3,2	QH3,2	Kg	150	150	20.000	3.000.000
	Cộng						191.470.586

Tổng cộng số tiền(Viết bằng chữ): Một trăm chín mươi một triệu, bốn trăm bảy mươi nghìn, năm trăm sáu mươi tám đồng.

Số chứng từ gốc kèm theo:

Ngày 15 tháng 1 năm 2011

Người lập phiếu Người nhận hàng Thủ kho KT trưởng Giám đốc
(Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên)

➤ Kế toán chi tiết nguyên vật liệu(Áp dụng phương pháp thẻ song song)

Tại kho: Kế toán chi tiết NVL- CCDC được thực hiện trên thẻ kho hàng tháng khi nhận được các phiếu nhập, xuất, sau khi đã đối chiếu với số liệu thực nhập, thực xuất, thủ kho ghi vào thẻ kho chỉ tiêu số lượng. Cuối tháng thủ kho phải tính ra số lượng tồn kho trên thẻ kho. Tùy theo yêu cầu quản lý của từng loại vật liệu có tính chất khác nhau mà kiểm tra số lượng tồn kho khác nhau. Hàng tháng vào ngày cuối tháng thủ kho cùng kế toán đối chiếu thẻ kho và thẻ kế toán để phát hiện ra tình trạng thừa thiếu cũng như tồn kho nguyên vật liệu. Cùng với việc phản ánh tình hình nhập- xuất- tồn kho vật liệu theo chỉ tiêu số lượng, thủ kho tiến hành phân loại chứng từ: Phiếu nhập, phiếu xuất theo trình tự thời gian, số chứng từ cho bộ phận kế toán theo dõi vật liệu

Tại phòng kế toán: Kế toán phải theo dõi tình hình nhập- xuất NVL- CCDC theo cả chỉ tiêu số lượng và chỉ tiêu giá trị. Sau khi kiểm tra nội dung chứng từ kế toán, khi đã đủ điều kiện, kế toán viên viên ký tên và trình lãnh đạo ký. Lãnh đạo phòng kiểm tra lại lần nữa khi đã đủ điều kiện thì ký tên. Khi đã đầy đủ dữ liệu, số liệu, kế toán vào các sổ sách chứng từ liên quan. Cuối tháng kế toán cộng số, tính ra tổng số nhập, xuất, tồn kho nguyên vật liệu, rồi đối chiếu với thẻ kho của thủ kho, lập báo cáo tình hình nhập, xuất, tồn nguyên vật liệu

Biểu số 14:

THẺ KHO

Tháng 10/2004

Tên vật tư: Thép tấm $\Phi 10$

Đơn vị tính: Kg

Mã số: PL10

Chứng từ			Diễn giải	Số lượng			Ghi chú
NT	Số phiếu			Nhập	Xuất	Tồn	
	Nhập	Xuất					
1/1			Tồn đầu kỳ			5.652	
5/1	02/1		Nhập PL10	11.304		16.956	
6/1		02/1	Xuất CT xi lô xi măng		5.600	11.356	
13/1		10/1	Xuất CT lọc bụi – Đình Vũ		5.260	6.096	
			Cộng cuối kỳ	11.304	10.860	6.096	

Biểu số 15:

THẺ KHO

Tháng 1/2011

Tên vật tư: Thép tấm $\Phi 12$

Đơn vị tính: Kg

Mã số: PL12

Chứng từ		Diễn giải	Số lượng			Ghi chú	
NT	Số phiếu		Nhập	Xuất	Tồn		
	Nhập						Xuất
1/1					-		
5/1	02/1		22.117		22.117		
13/1		10/1		7.720	14.397		
15/1		15/1		7.350	7.047		
			22.117	15.070	7.047		

Biểu số 16:

THẺ KHO

Tháng 1/2011

Tên vật tư: Thép cuộn cán nóng $\Phi 3$

Đơn vị tính: Kg

Mã số: PL3

Chứng từ		Diễn giải	Số lượng			Ghi chú	
NT	Số phiếu		Nhập	Xuất	Tồn		
	Nhập						Xuất
1/1					980		
5/1	01/1		6.050		7.030		
6/1		01/1		1.230	5.800		
			6.050	1.230	5.800		

Biểu số 17:

THẺ KHO

Tháng 1/2011

Tên vật tư: Thép tấm Ø8

Đơn vị tính: Kg

Mã số: PL8

Chứng từ		Diễn giải	Số lượng			Ghi chú	
NT	Số phiếu		Nhập	Xuất	Tồn		
	Nhập						Xuất
1/1					2.826		
6/1		01/1		1.360	1.466		
6/1		02/1		1.200	266		
12/1	03/1		11.304		11.570		
13/1		10/1		10.200	1.370		
			11.304	12.760	1.370		

Khi nhận được phiếu nhập kho, phiếu xuất kho, kế toán căn cứ số liệu trên phiếu nhập, phiếu xuất trên sổ chi tiết vật liệu. Sổ này được mở cho từng loại vật liệu cũng giống như thẻ kho nhưng có thêm cột giá trị, cuối tháng kế toán cộng sổ, tính ra số dư cuối kỳ, đối chiếu với thẻ kho về số lượng

Cuối tháng, kế toán tiến hành tính giá xuất kho cho từng loại vật liệu theo phương pháp tính giá bình quân gia quyền

Giá VT NVL đơn vị bq = $\frac{\text{Giá TT VT NVL tồn đầu kỳ} + \text{Giá TT VT NVL nhập trong kỳ}}{\text{thực tế xuất kho}}$

$\text{Số lượng VT NVL xuất} = \frac{\text{Số lượng VT NVL nhập ĐK} + \text{Số lượng VT NVL nhập trong kỳ}}{\text{Giá VT NVL đơn vị bq}}$

Khi đã tính được giá đơn vị bình quân của NVL xuất kho trong tháng, kế toán tiến hành ghi giá và tính giá trị vào các phiếu xuất kho và làm căn cứ để ghi cột giá trị VT NVL xuất ở sổ chi tiết VT NVL

Số liệu trên sổ chi tiết VT NVL được dùng làm căn cứ để ghi vào bảng tổng hợp chi tiết VT NVL

Số liệu trên bảng tổng hợp chi tiết VT NVL được đối chiếu với số liệu trên sổ cái tài khoản 152.

Biểu số 23:

Đơn vị: Cty TNHH SXKD Minh Phương

Bộ phận: PVT

BẢNG TÍNH GIÁ NVL XUẤT THÁNG 1/2011

Đơn vị tính: Đồng

STT	Mã VT	Tên, quy cách vật tư	ĐVT	Tồn đầu kỳ		Nhập trong kỳ		Đơn giá xuất trong kỳ
				SL	TT	SL	TT	
A	B	C	D	1	2	3	4	5=(2+4)/(1+3)
1	PL3	Thép cuộn cán nóng Φ3	Kg	980	11.804.541	6.050	73.149.945	12.084,56
2	PL8	Thép tấm Φ8x1500x6000	Kg	2.826	32.884.353	11.304	146.952.000	12.727,27
3	PL10	Thép tấm Φ10x1500x6000	Kg	5.652	79.128.000	11.304	162.366.584	14.242,43
4	PL12	Thép tấm Φ12x1500x6000	Kg	-	-	22.117	317.680.626	14.363,64
5	I200	Thép I200x100x5,5x8	Kg	1.661,	27.488.611	3.322,8	54.977.221	16.545,45
6	0168x6	Thép ống Φ168x6	Kg	4	3.510.000	4.569	59.397.000	13.000
7	048,3x3,2	Thép ống 48,3x3,2	Kg	270	-	30.100	391.300.000	13.000
8	HO100	Thép hộp 100x100x3,2	Kg	-	-	30.007	390.091.000	13.000
9	C200	Thép C200x100x2	Kg	-	-	37.817	491.621.000	13.000
10	OX	Khí oxi	Chai	-	180.000	60	2.160.000	36.000
11	QH3,2	Que hàn Φ3,2	Kg	5	2.000.000	1.000	20.000.000	20.000
12	CB	Cao bản chịu nước	Tấm	100	-	1.000	200.000.000	200.000
13	S3	Sơn chống rỉ	Kg	-	-	212	7.801.600	36.800
...		-				

Ngày 5 tháng 2 năm 2011

TP. Kế toán

Người lập biểu

Biểu số 24:

Đơn vị: Cty TNHH SXKD Minh Phương

Mẫu số:S10_DN

Địa chỉ:68 Kiến Thiết- Sở Dầu- HB- HP

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ_BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT NGUYÊN VẬT LIỆU

Năm: 2010

Tên vật liệu: Thép cuộn 3ly

Tên kho: 152

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn Giải	TK đối ứng	Đơn Giá	Nhập		Xuất		Tồn		Ghi chú
SH	NT				SL	TT	SL	TT	SL	TT	
A	B	C	D	1	2	3=1x2	4	5=1x4	6	7=1x6	8
PN01/1	5/1	Số dư đầu kỳ		12.045,45					980	11.804.541	
PX01/1	6/1	Nhập cuộn cán nóngø3	331	12.090,9	6.050	73.149.945			7.030	84.954.486	
		Xuất CT lô chứa cáp-LS VINA	621	12.084,56			1230	14.864.009	5.800	70.090.477	
		Cộng tháng 1			6.050	73.149.945	1230	14.864.009	5.800	70.090.477	

Biểu số 25:

Đơn vị: Cty TNHH SXKD Minh Phương

Mẫu số: S10_DN

Địa chỉ: 68 Kiến Thiết- Sở Dầu- HB- HP

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ_BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT NGUYÊN VẬT LIỆU

Năm: 2010

Tên vật liệu: Thép tấm ø8

Tên kho: 152

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn Giải	TK đối ứng	Đơn Giá	Nhập		Xuất		Tồn		Ghi chú
SH	NT				SL	TT	SL	TT	SL	TT	
A	B	C	D	1	2	3=1x2	4	5=1x4	6	7=1x6	8
PX01/1	6/1	Số dư đầu kỳ Xuất CT lô chứa cáp-LS VINA Xuất CT xi lô xi măng- PT	621	11.636,36 12.727,27			1.360	17.309.087	2.826 1.466	32.884.353	
PX02/1	6/1	Nhập PL8	621	12.727,27			1.200	15.272.724	266		
PN05/1	12/1	Xuất CT lọc bụi- Đình Vũ	331	13.000	11.304	146.952.000			11.570		
PX10/1	13/1		621	12.727,27			10200	129.818.154	1.370		
		Cộng tháng 1			11.304	146.952.000	12.760	162.399.652	1.370	17.436.388	

Biểu số 26:

Đơn vị: Cty TNHH SXKD Minh Phương

Mẫu số: S10_DN

Địa chỉ: 68 Kiến Thiết- Sở Dầu- HB- HP

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ_BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT NGUYÊN VẬT LIỆU

Năm: 2010

Tên vật liệu: Thép tấm ø12

Tên kho: 152

Đơn vị tính: VND

Chứng từ		Diễn Giải	TK đối ứng	Đơn Giá	Nhập		Xuất		Tồn		Ghi chú
SH	NT				SL	TT	SL	TT	SL	TT	
A	B	C	D	1	2	3=1x2	4	5=1x4	6	7=1x6	8
		Số dư đầu kỳ		-					-	-	
PN02/1	5/1	Nhập PL12	331	14.363,64	22.117	317.680.626			22.117		
PX10/1	13/1	Xuất CT lọc bụi- ĐV	621	14.363,64			7.720	110.887.301	14.397		
PX15/1	15/1	Xuất Ct dầm cầu trục- TT	621				7.350	105.572.754	7.047		
		Cộng tháng 1			22.117	317.680.626	15.070	216.460.055	7.047	101.220.571	

Biểu số 27:

Đơn vị: Cty TNHH SXKD Minh Phương

Mẫu số: S10_DN

Địa chỉ: 68 Kiến Thiết- Sở Dầu- HB- HP

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ_BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT NGUYÊN VẬT LIỆU

Năm: 2010

Tên vật liệu: Thép I200x100x5,5x8

Tên kho: 152

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn Giải	TK đối ứng	Đơn Giá	Nhập		Xuất		Tồn		Ghi chú
SH	NT				SL	TT	SL	TT	SL	TT	
A	B	C	D	1	2	3=1x2	4	5=1x4	6	7=1x6	8
PN02/1	5/1	Số dư đầu kỳ		16.545,45					1.661,4	27.488.611	
PX15	15/1	Nhập I200	331	16.545,45	3.322,8	54.977.221			4.982,2		
		Xuất CT dầm cầu trục-TT	621	16.545,45			4.982,2	82.465.832	-	-	
		Cộng tháng 1			3.322,8	54.977.221	4.982,2	82.465.832	-	-	

Biểu số 28:

Đơn vị: Cty TNHH SXKD Minh Phương

Mẫu số:S10_DN

Địa chỉ:68 Kiến Thiết- Sở Dầu- HB- HP

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ_BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT NGUYÊN VẬT LIỆU

Năm: 2010

Tên vật liệu: Thép tấm ø10

Tên kho: 152

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn Giải	TK đối ứng	Đơn Giá	Nhập		Xuất		Tồn		Ghi chú
SH	NT				SL	TT	SL	TT	SL	TT	
A	B	C		1	2	3=1x2	4	5=1x4	6	7=1x6	8
		Số dư đầu kỳ		14.000					5.652	79.128.000	
PN02/1	5/1	Nhập PL10	331	14.363,64	11.304	162.366.586			16.956		
PX02/1	6/1	Xuất CT xi lô- P. Tiến	621	14.242,43			5.600	79.757.608	11.356		
PX10/1	13/1	Xuất CT lọc bụi-Đình Vũ	621	14.242,43			5.260	74.915.182	6.096		
		Cộng tháng 1			11.304	162.366.586	10.860	154672790	6.096	86.736.396	

Biểu số 29:

Đơn vị: Cty TNHH SXKD Minh Phương

Mẫu số: S10_DN

Địa chỉ: 68 Kiến Thiết- Sở Dầu- HB- HP

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ_BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT NGUYÊN VẬT LIỆU

Năm: 2010

Tên vật liệu: Thép ống ø168x6

Tên kho: 152

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn Giải	TK đối ứng	Đơn Giá	Nhập		Xuất		Tồn		Ghi chú
SH	NT				SL	TT	SL	TT	SL	TT	
A	B	C	D	1	2	3=1x2	4	5=1x4	6	7=1x6	8
PX01/1	6/1	Số dư đầu kỳ		13.000					270	3.510.000	
		Xuất CT lô cáp-LSVINA	621	13.000			270	3.510.000	-		
PN05/1	12/1	Nhập 0168x6	331	13.000	4.569	53.397.000			4.569		
PX10/1	13/1	Xuất CT lọc bụi-Đình Vũ	621	13.000			3.582	46.566.000	987		
		Cộng tháng 1			4.569	53.397.000	3.852	50.076.000	987	12.831.000	

Biểu số 30:

Đơn vị: Cty TNHH SXKD Minh Phương

Mẫu số: S10_DN

Địa chỉ: 68 Kiến Thiết- Sở Dầu- HB- HP

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ_BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT NGUYÊN VẬT LIỆU

Năm: 2010

Tên vật liệu: Thép ống $\varnothing 48,3 \times 3,2$

Tên kho: 152

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn Giải	TK đối ứng	Đơn Giá	Nhập		Xuất		Tồn		Ghi chú
SH	NT				SL	TT	SL	TT	SL	TT	
A	B	C	D	1	2	3=1x2	4	5=1x4	6	7=1x6	8
PN05/1	12/1	Số dư đầu kỳ							-	-	
PX10/1	13/1	Nhập $\varnothing 48,3 \times 3,2$	331	13.000	30.100	391.300.000			30.100		
		Xuất CT lọc bụi-Đình Vũ	621	13.000			2.790	36.270.000	27.310		
		Cộng tháng 1			30.100	391.300.000	2.790	36.270.000	27.310	355.030.000	

Biểu số 31

Đơn vị: Cty TNHH SXKD Minh Phương

Mẫu số: S11_DN

Địa chỉ: 68 Kiến Thiết- Sở Dầu- HB- HP

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ_BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT NGUYÊN VẬT LIỆU
THÁNG 1/2011**

STT	Tên vật tư	Tồn đầu tháng	Nhập trong tháng	Xuất trong tháng	Tồn cuối tháng
1	Thép cuộn cán nóng $\phi 3$	11.804.541	73.149.945	14.864.009	70.090.477
2	Thép tấm $\phi 8$	32.884.353	146.952.000	162.399.965	17.436.359
3	Thép tấm $\phi 10$	79.128.000	162.366.586	154.672.790	86.736.396
4	Thép tấm $\phi 12$	-	317.680.626	216.460.055	101.220.571
5	Thép I200	27.488.611	54.977.221	82.465.832	-
6	Thép ống $\phi 168 \times 6$	3.510.000	59.397.000	50.076.000	12.831.000
7	Thép ống $\phi 48,3 \times 3,2$	-	391.300.000	36.270.000	355.030.000
8	Thép hộp $100 \times 100 \times 3,2$	-	390.091.000	168.740.000	221.351.000
9	Thép C200x100x2	-	491.621.000	139.880.000	351.741.000
10	Cao bản chịu nước	-	200.000.000	200.000.000	-
11	Sơn chống rỉ	-	7.801.600	7.801.600	-
...
	Cộng	4.310.252.107	5.250.860.200	7.215.051.863	2.346.060.444

2.2.3.2 Kế toán chi tiết công cụ dụng cụ

Nội dung kế toán công cụ dụng cụ nhập kho

Tương tự như kế toán chi tiết nguyên vật liệu: Khi công cụ dụng cụ về đến công ty người đi mua mang hoá đơn bán hàng của người bán trong đó ghi tên của hàng hoá, số lượng xuất bán, đơn giá công cụ dụng cụ, hình thức thanh toán lên phòng nếu được xác định nội dung đúng như hợp đồng đã thoả thuận thì tiến hành phiếu nhập kho. Thủ kho kiểm tra số lượng, quy cách công cụ dụng cụ thực tế với hàng hoá nếu đúng thì viết thực nhập vào phiếu nhập kho.

Phiếu nhập kho được ghi thành 3 liên

+ Liên 1: Do phòng vật tư giữ

+ Liên 2: Do thủ kho tạm giữ

+ Liên 3: Do cán bộ đi mua vật tư giữ kèm theo với hoá đơn thanh toán, sau đó thủ kho chuyển phiếu nhập kho cho phòng kế toán để theo dõi hạch toán

Phiếu nhập kho được lập làm căn cứ để nhập công cụ dụng cụ và làm cơ sở để ghi vào thẻ kho và sổ chi tiết vật tư.

Biểu số 32:

HOÁ ĐƠN

Mẫu số:01GTKT_3LL

GIÁ TRỊ GIA TĂNG

LS/2010B

Liên 2: Giao cho khách hàng

0018745

Ngày 5 tháng 1 năm 2011

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH cơ khí Hồng Đức

Địa chỉ : Số 43 khu 6- Quán Toan- Hồng Bàng- Hải Phòng

Số tài khoản

Điện thoại

MS: 0200691057

Họ tên người mua: Đặng Văn Vĩnh

Tên đơn vị: Công ty TNHH SXKD Minh Phương

Địa chỉ: 68 Kiến Thiết- Sở Dầu- Hồng Bàng- HP

Hình thức thanh toán: CK

MS: 0200459834

Đơn vị tính : đồng

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Tay cắt nakata	Chiếc	3	1.050.000	1.050.000

Cộng tiền hàng : 1.050.000

Thuế GTGT 10%: 105.000

Tổng cộng tiền thanh toán: 1.155.000

Số tiền bằng chữ: Một triệu, một trăm năm mươi năm nghìn đồng chẵn/

Người mua hàng

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ghi rõ họ tên)

(Ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu số 33

Đơn vị: Cty TNHH SXKD Minh Phương

Mẫu số:03_VT

Bộ phận: PVT

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ_BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 05 tháng 1 năm 2011

Số:01/1

Nợ:

Có:

Họ tên người giao hàng: Đặng Văn Vĩnh

Nhập tại kho: Công cụ dụng cụ

Theo HĐ số 0018745 ngày 5 tháng 1 năm 2011 của Công ty TNHH cơ khí

Hồng Đức

STT	Tên nhãn hiệu, quy cách phẩm chất, vật tư	Đơn vị tính	Mã số	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
	Tay cắt nakata	Chiếc	CC 01	18745	3	1.050.000	1.050.000
	Cộng						1.050.000

Tổng số tiền(viết bằng chữ): Một triệu, một trăm năm mươi năm nghìn đồng chẵn/

Số chứng từ gốc kèm theo:

Người nhập

Thủ kho

Kế toán trưởng

Thủ trưởng

➤ Nội dung kế toán xuất kho công cụ dụng cụ

Việc xuất công cụ dụng cụ tại công ty cũng giống như việc xuất nguyên vật liệu, nghiệp vụ xuất công cụ dụng cụ phát sinh căn cứ vào kế hoạch sản xuất của công ty để phục vụ cho tiến độ thi công của từng công việc. Kế toán vật tư căn cứ vào đó sẽ viết phiếu xuất kho.

Công cụ dụng cụ được phân bổ theo giá trị và thời gian sử dụng của từng loại

- Loại phân bổ 100%

Trường hợp công cụ dụng cụ có giá trị thấp, thời gian sử dụng ngắn thì kế toán phân bổ giá trị công cụ dụng cụ vào chi phí sản xuất kinh doanh

VD1: Ngày 7/1 Xuất tay cắt nakata phục vụ cho bán hàng(cắt thép)

Kế toán ghi:

Nợ 627: 1.050.000

Có : 1.050.000

- Loại phân bổ 50%

Trường hợp công cụ dụng cụ xuất dụng có giá trị tương đối lớn, thời gian sử dụng dài kế toán tiến hành phân bổ 50% vào chi phí sản xuất kinh doanh

Khi xuất kho công cụ dụng cụ kế toán ghi:

Nợ TK 142, 242: Giá trị thực tế xuất kho

Có TK 153 : Giá trị thực tế xuất kho

Đồng thời phân bổ lần 1 giá trị xuất dụng

Nợ TK 627, 641 642:

Có TK 142

Giá trị công cụ dụng cụ sẽ được xuất dụng nốt khi nhận được giấy báo hỏng hoặc mất

Giá trị CCDC = Giá trị thực tế + Phế liệu thu hồi + Bồi thường vật chất
phân bổ lần 2 xuất dụng (nếu có) (nếu có)

Biểu số 34 :

Đơn vị: Cty TNHH SXKD Minh Phương

Mẫu số:02_VT

Bộ phận: PVT

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ_BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 07 tháng 1 năm 2011

Số: 02/1

Nợ:

Có:

Họ tên người nhận hàng : Nguyễn Hữu Thức – Bộ phận:Đội g/c chính xác

Lý do xuất kho: Xuất phục vụ cho việc bán hàng

Xuất tại kho: Công cụ dụng cụ

Đv tính : đồng

Stt	Tên nhãn hiệu quy cách phẩm chất, vật tư	Mã số	Đơn vị	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Xuất tay cắt nakata	CC01	Chiếc	3	3	1.050.000	
	Cộng						1.050.000

Tổng cộng số tiền(Viết bằng chữ): Một triệu không trăm năm mươi nghìn đồng chẵn/

Số chứng từ gốc kèm theo:

Ngày 07 6 tháng 1

năm 2011

Người lập phiếu Người nhận hàng Thủ kho KT trưởng Giám đốc

(Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên)

Biểu số 35

THẺ KHO

Tháng 10/2004

Tên công cụ dụng cụ: Tay cắt nakata

Đơn vị tính:Chiếc

Mã số: CC01

Chứng từ		Diễn giải	Số lượng			Ghi chú	
NT	Số phiếu		Nhập	Xuất	Tồn		
	Nhập						Xuất
1/1					-		
5/1	02/1		03		03		
7/1		02/1		03	03		
			03	03	-		

Biểu số 36:

Đơn vị: Cty TNHH SXKD Minh Phương

Mẫu số: S10_DN

Địa chỉ: 68 Kiến Thiết- Sở Dầu- HB- HP

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ_BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

TK 153: Công cụ dụng cụ

Năm: 2010

Tên vật liệu: Tay cắt nakata

Tên kho: 153

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn Giải	TK đối ứng	Đơn Giá	Nhập		Xuất		Tồn		Ghi chú
SH	NT				SL	TT	SL	TT	SL	TT	
A	B	C	D	1	2	3=1x2	4	5=1x4	6	7=1x6	8
PN02/1	5/1	Số dư đầu kỳ							-	-	
PX02/1	7/1	Nhập mua tay cắt nakata	331	350.000	3	1.050.000			3		
		Xuất tay cắt nakata phục vụ bán hàng	641	350.000			3	1.050.000	-		
		Cộng tháng 1			3	1.050.000	3	1.050.000	-	-	

Biểu số 37

Đơn vị: Cty TNHH SXKD Minh Phương

Mẫu số:S11_DN

Địa chỉ:68 Kiến Thiết- Sở Dầu- HB- HP

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ_BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT CÔNG CỤ DỤNG CỤ
THÁNG 1/2011**

STT	Tên vật tư	Tồn đầu tháng	Nhập trong tháng	Xuất trong tháng	Tồn cuối tháng
1	Tay cắt nakata	-	1.050.000	1.050.000	-
	Cộng	-	1.050.000	1.050.000	-

Ngày...tháng...năm...

Người lập biểu

2.2.4 Kế toán tổng hợp vật tư tại Công ty TNHH SXKD Minh Phương

2.2.4.1 Tài khoản kế toán sử dụng

Kế toán NVL- CCDC tại công ty TNHH SXKD Minh Phương sử dụng TK 152: “ Nguyên vật liệu”, TK 153: “ Công cụ dụng cụ”

Các nghiệp vụ nhập kho sử dụng các TK liên quan:

- TK 111: Tiền mặt
- TK 112: Tiền gửi ngân hàng
- TK 331: Phải trả người bán
- TK 156: Hàng hóa

Các nghiệp vụ xuất kho sử dụng các TK liên quan:

- TK 621: Chi phí NVL trực tiếp
- TK 627: Chi phí sản xuất chung
- TK 641: Chi phí bán hàng
- TK 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp
- TK 156: Hàng hóa

2.2.4.2 Kế toán tổng hợp vật tư tại công ty

Cùng với việc kế toán chi tiết vật tư hàng ngày thì việc tổ chức kế toán tổng hợp vật tư là một khâu quan trọng trong công tác kế toán vật tư. Do vật tư của công ty phần lớn do mua ngoài nhập về, cũng có trường hợp được điều chuyển từ kho hàng hóa về. Vật tư do mua ngoài nhập kho được cán bộ vật tư mang về kèm theo hóa đơn GTGT, chưa xuất hiện trường hợp hàng về, hóa đơn chưa về.

Khi hàng hóa được điều chuyển sang kho vật tư, kế toán căn cứ phiếu nhập kho ghi:

Nợ TK 152,153: Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ

Có TK 156: Hàng hóa

Khi NVL- CCDC mua ngoài nhập kho, kế toán căn cứ phiếu nhập kho, hóa đơn GTGT, phiếu chi...ghi:

Nợ TK 152,153: Nguyên vật liệu, , công cụ dụng cụ

Nợ TK 133: Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 111, 112, 331

Ví dụ1: - Căn cứ vào phiếu nhập kho số 01/1 ngày 5 tháng 1 năm 2011 và hóa đơn GTGT số 0018745 ngày 5 tháng 1 năm 2011 của công ty CP thép Miền Bắc, kế toán ghi:

Nợ TK 152: 73.149.945

Nợ TK 133: 7.314.995

Có TK 331.MB: 80.464.940

- Căn cứ vào PNK số 02/1 ngày 5 tháng 1 năm 2011 và hóa đơn GTGT số 0052048

ngày 5 tháng 1 năm 2011 của Cty CP sản xuất và kinh doanh Kim Khí, kế toán ghi:

Nợ TK 152.T200: 54.977.221

Nợ TK 152.PL10: 162.366.586

Nợ TK 152.PL12: 317.680.626

Nợ TK 133.KK1 : 588.526.876

Ví dụ 2: Căn cứ vào PNK số 02/1 ngày 5 tháng 1 năm 2011 và Theo HĐ số 0018745 ngày 5 tháng 1 năm 2011 của Công ty TNHH cơ khí Hồng Đức ghi:

Nợ TK 153: 1.050.000

Nợ TK 133: 105.000

Có TK 331.MB: 1.155.000

Khi thanh toán cho người bán kế toán ghi:

Nợ TK 311(Chi tiết)

Có TK 111, 112

Với các nghiệp vụ nhập kho NVL- CCDC thanh toán ngay bằng tiền mặt thì kế toán viết phiếu chi rồi chuyển đến Giám đốc và trưởng phòng kế toán ký duyệt.

Vật liệu của công ty chủ yếu xuất dùng cho sản xuất, một số được điều chuyển thành hàng hóa

Một số ít được xuất dùng chung cho quản lý phân xưởng.

Khi xuất NVL- CCDC , kế toán căn cứ phiếu xuất kho ghi:

Nợ TK 621,641,642(Chi tiết)

Có TK 152, 153(Chi tiết)

Ví dụ 1: Căn cứ phiếu xuất kho NVL số 02/1 ngày 6 tháng 1 năm 2011, kế toán ghi:

Nợ TK 621(Cầu trục TT): 96.138.332

Có TK 152.PL10 : 79.757.608

Có TK 152.PL8 : 15.272.724

Có TK 152.QH3,2 : 1.000.000

Có TK 152.OX : 108.000

Ví dụ 2: Căn cứ phiếu xuất kho CCDC số 02/1 ngày 7 tháng 1 năm 2011, kế toán ghi

Nợ TK 641 : 1.050.000

Có TK 153 : 1.050.000

Khi điều chuyển sang kho hàng hóa kế toán ghi

Nợ TK 156(Chi tiết): Hàng hóa

Có TK 152(Chi tiết): Nguyên vật liệu

Khi xuất kho NVL- CCDC cho quản lý phân xưởng, cho bán hàng, cho quản lý doanh nghiệp, kế toán ghi:

Nợ TK 627, 641, 642

Có TK 152

Công ty TNHH SXKD Minh Phượng áp dụng hình thức kế toán” Nhật ký chung” nhưng không mở sổ” Nhật ký đặc biệt” nên tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được ghi vào” Nhật ký chung”. Sổ Nhật ký chung là sổ kế toán tổng hợp dùng để ghi chép các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh theo trình tự thời gian đồng thời phản ánh theo quan hệ đối ứng tài khoản để phục vụ việc ghi Sổ Cái. Số liệu ghi trên sổ Nhật ký chung dùng làm căn cứ ghi sổ Cái.

Biểu số 38:

Đơn vị: Cty TNHH SXKD Minh Phương

Mẫu số: S03b_DN

Địa chỉ: 68 Kiến Thiết- Sở Dầu- HB- HP

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ_BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN 152

Tháng 1/2011

N. T ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		SH TK đối ứng	Số tiền	
	SH	NT		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			Số dư đầu năm					
			Phát sinh trong tháng 1				4.310.252.107	
5/1	PN01/1	5/1	Nhập thép cuộn cán nóng ø3	1	1	331	73.149.945	
5/1	PN02/1	5/1	Nhập I200, PL10, PL12	1	4	331	535.024.433	
6/1	PX01/1	6/1	Xuất VT CT lô cápø3700- LS	1	8	621		36.319.096
6/1	PX02/1	6/1	Xuất VT CT lọc bụi- Đinh Vũ	1	10	621		96.318.332
12/1	PN05/1	12/1	Nhập P18, C200	1	11	331	1.479.361.000	
13/1	PX10/1	13/1	Xuất VT CT lọc bụi- Đinh Vũ	1	14	621		707.076.636
15/1	PX15/1	15/1	Xuất Vt CT dầm cầu trục- TT	1	17	621		191.470.586
...
			Cộng phát sinh tháng 1				5.250.860.200	7.215.051.863
			Số dư cuối tháng				2.346.060.444	

Biểu số 39

Đơn vị: Cty TNHH SXKD Minh Phượng

Mẫu số: S03b_DN

Địa chỉ: 68 Kiến Thiết- Sở Dầu- HB- HP

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ_BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Sổ cái tài khoản 153

Tháng 1/2011

N.T ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		SHTK đối ứng	Số tiền	
	SH	NT		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			Số dư đầu năm				<u>6.102.000</u>	
5/1	02/1	5/1	Phát sinh trong tháng 1 Nhập tay cắt nakata	1	3	331	1.050.000	
7/1	02/1	7/1	Xuất tay cắt nakata cho BPBH	1	9	641		1.050.000
...
			Cộng phát sinh tháng 1				7.806.000	5.725.000
							<u>8.183.000</u>	

Do VT của công ty được mua ngoài về nhập kho nên phát sinh quan hệ thanh toán mua bán. Kế toán căn cứ hóa đơn GTGT, phiếu nhập kho, phiếu chi... để theo dõi về thanh toán với người bán theo từng đối tượng cụ thể trên sổ chi tiết thanh toán với người bán. Sổ chi tiết thanh toán với người bán của Công ty có kết cấu theo mẫu số S31_DN

Biểu số 40:

Đơn vị: Cty TNHH SXKD Minh Phụng

Mẫu số: S31_DN

Địa chỉ: 68 Kiến Thiết- Sở Dầu- HB- HP

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ_BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI BÁN

Tài khoản: 331

Đối tượng: Công ty CP thép miền Bắc

Đơn vị tính: VNĐ

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Thời hạn được CK	Số phát sinh		Số dư	
	SH	NT				Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ						<u>50.000.000</u>
5/1	PN01/1	5/1	Số phát sinh trong kỳ						
			Mua thép cuộn cán nóng ø3	152			73.149.945		
5/1	18745	5/1	Thuế GTGT được khấu trừ	133			7.314.995		
								
			Cộng phát sinh			50.000.000	80.464.940		
			Số dư cuối kỳ						80.464.940

Biểu số 41 :

Đơn vị: Cty TNHH SXKD Minh Phụng

Mẫu số:S31_DN

Địa chỉ:68 Kiến Thiết- Sở Dầu- HB- HP

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ_BTC

ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI BÁN

Tài khoản: 331

Đối tượng: Công ty TNHH cơ khí Hồng Đức

Đơn vị tính: VNĐ

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Thời hạn được CK	Số phát sinh		Số dư	
	SH	NT				Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ						<u>4.300.000</u>
5/1	PN02/1	5/1	Số phát sinh trong kỳ						
			Mua tay cắt nakata	153			1.050.000		
5/1	18745	5/1	Thuế GTGT được khấu trừ	133			105.000		
								
			Cộng phát sinh			6.358.000	4.895.000		
			Số dư cuối kỳ						<u>2.837.000</u>

Chương 3

HOÀN THIỆN KẾ TOÁN VẬT TƯ TẠI CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH MINH PHƯỢNG

3.1 Đánh giá chung về thực trạng kế toán vật tư tại công ty TNHH sản xuất và kinh doanh Minh Phượng

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, môi trường cạnh tranh gay gắt, xu thế hội nhập kinh tế diễn ra mạnh mẽ, vấn đề lợi nhuận là quan trọng hàng đầu, có ý nghĩa sống còn với doanh nghiệp, Công ty TNHH SXKD Minh Phượng cũng không nằm khỏi quy luật đó. Đối với một doanh nghiệp mà sản phẩm là các kết cấu thép, các sản phẩm cơ khí như Công ty TNHH SXKD Minh Phượng thì yếu tố nguyên vật liệu là không thể thiếu trong quá trình sản xuất kinh doanh. Bên cạnh đó, giá trị nguyên vật liệu chiếm tỉ trọng lớn trong tổng thể giá thành sản phẩm. Vì vậy, quản lý nguyên vật liệu tốt từ khâu thu mua, dự trữ và sử dụng nguyên vật liệu là điều kiện cần thiết để đảm bảo chất lượng sản phẩm, tiết kiệm chi phí, góp phần giảm giá thành sản phẩm từ đó làm tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp

Sau thời gian thực tập, tiếp xúc và tìm hiểu tình hình kế toán vật tư ở Công ty TNHH SXKD Minh Phượng em xin được đưa ra một số nhận xét về công tác kế toán vật tư tại Công ty TNHH SXKD Minh Phượng như sau:

3.1.1 Ưu điểm

- Về khâu thu mua vật tư nguyên vật liệu: Công ty đã tổ chức được bộ phận tiếp liệu chuyên đảm nhận công tác thu mua nguyên vật liệu trên cơ sở đã xem xét, cân đối giữa kế hoạch sản xuất và nhu cầu.

- Về bộ máy quản lý: Bộ máy quản lý của công ty được xây dựng phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp sản xuất, thương mại cũng như phù hợp với đặc điểm riêng của Công ty.

- Về bộ máy kế toán: Bộ máy kế toán gọn nhẹ, tổ chức chặt chẽ, đội ngũ nhân viên kế toán có trách nhiệm, nhiệt tình với công việc và có trình độ tay

nghề vững. Bên cạnh đó, nhờ có sự phân công nhiệm vụ rõ ràng và sự hỗ trợ linh hoạt giữa các thành viên trong kế toán mà với lực lượng mỏng(4 thành viên) đã đảm đương được khối lượng công việc kế toán tương đối lớn, góp phần đắc lực vào công tác quản lý của Công ty.

- Về sổ sách kế toán: Kế toán áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung, áp dụng chế độ kế toán theo QĐ số 15/2006/QĐ- BTC ngày 20/3 năm 2006. Nhìn chung , hệ thống sổ kế toán được mở theo đúng chế độ kế toán quy định bao gồm sổ kế toán tổng hợp, sổ kế toán chi tiết đáp ứng được yêu cầu tổng hợp số liệu, cung cấp thông tin cho các đối tượng sử dụng.

- Về chứng từ kế toán: Chứng từ kế toán ở Công ty theo đúng mẫu chế độ kế toán ban hành, đáp ứng được yêu cầu hợp lý, hợp lệ, hợp pháp. Ngoài những chứng từ bắt buộc theo mẫu do chế độ kế toán quy định, Công ty còn có một số chứng từ khác để đáp ứng yêu cầu quản lý nội bộ theo quy định riêng của công ty

- Về các báo cáo: Các báo cáo của công ty được lập theo đúng quy định, kịp thời để gửi cho các đối tượng sử dụng.

- Về kế toán nguyên vật liệu: Kế toán nguyên vật liệu tại công ty áp dụng kế toán chi tiết theo phương pháp thẻ song song, tính giá nguyên vật liệu xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ. Hệ thống thẻ kho, sổ chi tiết, sổ tổng hợp nguyên vật liệu được mở đúng theo quy định. Đáp ứng được yêu cầu cung cấp thông tin chính xác, đầy đủ cho nhà quản lý.

3.1.2 Hạn chế

- Về tổ chức bộ máy kế toán: Do lực lượng mỏng, đội ngũ kế toán phải kiêm nhiệm nhiều công việc, nhiều phần hành kế toán dẫn đến số liệu đôi khi còn không được kịp thời.

- Về tổ chức kế toán vật tư : Đường đi của chứng từ nhập kho và xuất kho dài, do thủ kho là người lập phiếu xuất kho, phiếu nhập kho trên cơ sở căn cứ căn cứ các lệnh cấp hàng và biên bản kiểm nghiệm vật tư do bộ phận vật tư lập. Đầu ngày, bộ phận vật tư giao cho thủ kho phiếu nhập kho, phiếu xuất kho để

thủ kho lập phiếu cho các nghiệp vụ nhập kho, xuất kho trong ngày, cuối ngày, thủ kho mang phiếu nhập kho, xuất kho liên gốc nộp về phòng vật tư, liên 2 được giao cho phòng kế toán sau khi đã vào thẻ kho.

- Do tính giá theo phương pháp giá đơn vị bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ nên công việc kế toán dồn nhiều về cuối tháng

- Về đánh giá vật liệu: Thực tế tại công ty TNHH SXKD Minh Phương được đánh giá theo giá thực tế. Song đối với vật liệu nhập kho, các chi phí liên quan đến thu mua vật liệu như: chi phí vận chuyển, bốc dỡ... kế toán hạch toán vào TK 627-“Chi phí sản xuất chung” dẫn đến việc giá nhập kho nguyên vật liệu chưa được chính xác.

Như vậy công tác đánh giá vật liệu chưa đúng giá trị thực tế của vật liệu nhập kho, hầu hết các tài khoản chi phí liên quan đến thu mua vật liệu Công ty phản ánh vào TK 627 mà không phản ánh vào TK152 để tính vào giá trị thực tế vật liệu nhập kho như chế độ kế toán quy định.

- Sự kết hợp giữa phòng kế toán và phòng kế hoạch không được ăn khớp với nhau dẫn đến tình trạng nhiều khi nắm bắt số liệu chưa được kịp thời.

3.2 Các giải pháp hoàn thiện kế toán vật tư tại công ty TNHH sản xuất và kinh doanh Minh Phương

Cùng với sự nghiệp đổi mới toàn diện nền kinh tế, hạch toán kế toán với tư cách là một bộ phận quan trọng trong hệ thống công cụ quản lý kinh tế đã không ngừng được hoàn thiện và phát triển. Hạch toán kế toán góp phần tích cực vào việc nâng cao chất lượng phát triển quản lý tài chính quốc gia và quản lý doanh nghiệp.

Xuất phát từ những hạn chế trong công tác tổ chức kế toán tại Công ty TNHH SXKD Minh Phương nói chung và tổ chức kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH SXKD Minh Phương nói riêng em xin đưa ra ý kiến đóng góp nhằm hoàn thiện công tác kế toán vật tư nguyên vật liệu tại công ty như sau:

- Về bộ máy kế toán: Tăng cường đội ngũ kế toán cho công ty, đảm bảo việc cung cấp số liệu được kịp thời; tránh tình trạng một người phải kiêm nhiệm nhiều công việc, nhiều phân hành kế toán.

- Kế toán trưởng chỉ kiêm nhiệm về công việc kế toán trưởng của mình, từ đó mới có thời gian để kiểm tra, đôn đốc số liệu sổ sách một cách kịp thời, góp phần cho Giám đốc công ty cũng như phòng kế hoạch đưa ra phương án hoạt động sản xuất kinh doanh một cách chính xác và nhanh chóng.

- Về tổ chức kế toán vật tư: Trong công tác tổ chức kế toán vật tư nguyên vật liệu, nên chuyển việc lập phiếu nhập kho, phiếu xuất kho cho phòng vật tư, thủ kho chỉ có trách nhiệm ghi vào cột thực nhập, thực xuất số lượng thực tế nhập kho, xuất kho. Không nhất thiết, lô vật tư nào mua về cũng phải làm thủ tục kiểm nghiệm vật tư, chỉ nên lập biên bản đối với những lô vật tư nhập kho với số lượng lớn, những loại vật tư có tính chất lý, hóa đặc biệt, quý hiếm hoặc những lô vật tư trong quá trình nhập kho phát hiện có sự khác biệt về số lượng, chất lượng giữa hóa đơn với thực tế để giảm bớt thời gian và công sức cho thủ tục kiểm nghiệm vật tư.

- Trị giá hàng xuất kho: Nên thay đổi phương pháp đánh giá đơn vị theo phương pháp Nhập trước- Xuất trước. Như vậy, công việc kế toán không bị dồn nhiều về cuối tháng, và giá thành sẽ được phản ánh theo đúng thời điểm.

- Về đánh giá vật liệu: Phải đánh giá chính xác giá nguyên vật liệu nhập kho, cụ thể: Những chi phí vận chuyển, bốc dỡ...của nguyên vật liệu thì phải đưa vào giá thành nhập kho nguyên vật liệu

- Phòng kế toán và phòng kế hoạch phải có sự kết hợp nhịp nhàng để đảm bảo cho kế hoạch sản xuất cũng như kết quả sản xuất kinh doanh được chính xác, kịp thời.

- Thứ 3: Công ty căn cứ vào kế hoạch sản xuất khi nhập mua hàng hoá , vật tư lên tách riêng làm 2 kho, tránh tình trạng nhiều khi vật tư nguyên vật liệu không còn để đáp ứng sản xuất.

KẾT LUẬN

Qua phần cơ sở lý luận chung về tổ chức công tác vật tư nguyên vật liệu, em có thể khẳng định rằng:

Tổ chức công tác kế toán nói chung và tổ chức công tác kế toán vật tư nguyên vật liệu nói riêng có vai trò quan trọng không thể thiếu được trong quản lý kinh tế ở các doanh nghiệp sản xuất. Kế toán vật tư nguyên vật liệu giúp cho các doanh nghiệp theo dõi chặt chẽ về số lượng và chất lượng, chủng loại, giá trị, sự biến động của nguyên vật liệu tại kho, từ đó đưa ra những giải pháp hữu hiệu nhằm giảm chi phí nguyên vật liệu trong giá thành, góp phần làm tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp.

Qua quá trình thực tập tại Công ty TNHH SXKD Minh Phượng em nhận thấy, trên cơ sở chế độ kế toán hiện hành, công ty không chỉ áp dụng đúng chế độ kế toán hiện hành mà còn phải quan tâm, vận dụng sáng tạo phù hợp với đặc điểm của một công ty có hoạt động sản xuất. Cán bộ kế toán không chỉ nắm vững kiến thức lý luận mà còn phải vận dụng mà còn phải vận dụng linh hoạt kiến thức đó vào thực tiễn công ty. Qua những điểm mạnh và hạn chế của công tác kế toán nói chung và công tác kế toán vật tư nguyên vật liệu nói riêng tại Công ty TNHH SXKD Minh Phượng em đã mạnh dạn đưa ra ý kiến của mình về công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty.

Em xin gửi lời cảm ơn chân thành tới TS. Chúc Anh Tú, người đã hướng dẫn e thực hiện bài khóa luận này.

Em xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ, chỉ bảo của các anh, chị trong phòng kế toán Công ty TNHH SXKD Minh Phượng trong quá trình em thực tập và hoàn thành bài khóa luận này.

Do điều kiện tìm hiểu còn hạn chế, đề tài còn nhiều rộng lớn so với trình độ hiểu biết của bản thân em, nên không thể tránh khỏi những sai sót. Vậy em rất mong có được những ý kiến quý báu của các thầy cô cũng như các cán bộ kế toán của Công ty để đề tài của em được hoàn thiện hơn

Em xin chân thành cảm ơn !

MỤC LỤC

Lời mở đầu	1
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KẾ TOÁN VẬT TƯ TẠI CÔNG TY TNHH TRONG DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT	5
1.1. Khái niệm, đặc điểm, phân loại vật tư.	5
1.1.1. Khái niệm, đặc điểm vật tư(Bao gồm: nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ) ...	5
1.1.1.1 Khái niệm:	5
1.1.1.2 Đặc điểm:	5
1.1.2. Phân loại vật tư.....	5
1.1.2.1 Phân loại nguyên vật liệu	6
1.1.2.2 Phân loại công cụ dụng cụ	8
1.2 Nhiệm vụ của kế toán vật tư.....	8
1.3 Các nguyên tắc xác định vật tư nguyên vật liệu	9
1.3.1. Tính giá vật tư nguyên vật liệu nhập kho.....	9
1.3.2 Tính giá vật tư nguyên vật liệu xuất kho.	10
Hệ số giá từng loại.....	12
1.4 Kế toán chi tiết vật tư	13
1.4.1 Phương pháp thẻ song song	13
1.4.2 Kế toán chi tiết vật tư theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển:	14
1.4.3 Kế toán chi tiết vật tư nguyên vật liệu theo phương pháp sổ số dư.....	15
1.5 Kế toán tổng hợp vật tư.....	17
1.5.1. Phương pháp kê khai thường xuyên.....	17
1.5.1.1 Khái niệm và tài khoản sử dụng:.....	17
1.5.1.2 Phương pháp hạch toán:	19
1.5.2. Kế toán tổng hợp vật tư theo phương pháp kiểm kê định kì.....	22
1.5.2.1 Khái niệm và tài khoản sử dụng:.....	22
1.5.2.2. Phương pháp hạch toán	23
1.6 Hình thức kế toán tại doanh nghiệp	23
1.6.1 Hình thức kế toán Nhật ký chung	24

1.6.1.1 Nguyên tắc, đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung	24
1.6.1.2 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung (Biểu số 01)	24
1.6.2 Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái	25
1.6.2.1 Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái	25
1.6.3 Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ	26
1.6.3.1 Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.....	26
1.6.4 Hình thức sổ kế toán Nhật ký - Chứng từ	26
1.6.4.1 Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký-Chứng từ (NKCT) ...	26
1.6.5 Hình thức kế toán trên máy vi tính.....	27
1.6.5.1 Đặc trưng cơ bản của Hình thức kế toán trên máy vi tính	27
Chương 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN VẬT TƯ TẠI CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH MINH PHƯỢNG	28
2.1 Giới thiệu chung.....	28
2.1.1 Quá trình hình thành và phát triển của công ty.	28
2.1.2 Cơ cấu bộ máy quản lí, bộ máy kế toán	31
2.1.2.1 Cơ cấu bộ máy quản lý	31
2.1.2.2 Cơ cấu bộ máy kế toán	33
2.1.3 Giới thiệu về các phần hành kế toán	34
2.2 Thực trạng công tác kế toán vật tư tại công ty TNHH sản xuất và kinh doanh Minh Phượng.....	37
2.2.1 Đặc điểm vật tư tại Công ty TNHH SXKD Minh Phượng.	37
2.2.2 Trình tự kế toán VT tại công ty TNHH SXKD Minh Phượng	37
2.2.2.1 Quy trình nhập kho VT	37
2.2.2.2 Quy trình xuất kho VT	37
2.2.3 Kế toán chi tiết VT tại Công ty TNHH SXKD Minh Phượng.....	38
2.2.3.1 Kế toán chi tiết nguyên vật liệu	38
2.2.4 Kế toán tổng hợp vật tư tại Công ty TNHH SXKD Minh Phượng.....	78
2.2.4.1 Tài khoản kế toán sử dụng	78
2.2.4.2 Kế toán tổng hợp vật tư tại công ty	78

Chương 3: HOÀN THIỆN KẾ TOÁN VẬT TƯ TẠI CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH MINH PHƯỢNG.....	85
3.1 Đánh giá chung về thực trạng công tác kế toán vật tư tại công ty TNHH sản xuất và kinh doanh Minh Phượng	85
3.1.1 Ưu điểm.....	85
3.1.2 Hạn chế.....	86
3.2 Các giải pháp hoàn thiện công tác kế toán vật tư tại công ty TNHH sản xuất và kinh doanh Minh Phượng	87
KẾT LUẬN	90